

**THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**CÁC LỚP CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP CHÍNH QUY**  
**TỪ TUẦN 02 ĐẾN TUẦN 18 (Ngày 08/09/2025 đến ngày 25/12/2025)**

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 10      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 6   | 12/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 14      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH          | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DD.18A | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 10      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH          | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 6   | 12/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học | LT         | 30      | 14      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH          | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế dược            | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng              | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | Kinh tế dược            | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng              | K. Dược | P. B3.3   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế được             | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | Kinh tế được             | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Kinh tế được             | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế được             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 2    | 7   | 13/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Dsck1.Quảng      | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 2    | 7   | 13/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B3.2   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Xác suất thống kê Y học                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng                             | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Xác suất thống kê Y học                   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Dược lâm sàng                             | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Dược lâm sàng                             | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Dược lâm sàng                             | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Xác suất thống kê Y học                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Dược lâm sàng                             | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Xác suất thống kê Y học                   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                          | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Bs Ng Hiếu          | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                          | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Bs Ng Hiếu          | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                          | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Bs Ng Hiếu          | K. KTYH | P. B3.3   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | KTXQ có dùng thuốc cản quang              | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN Hùng             | K. KTYH | P. B3.3   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | KTXQ có dùng thuốc cản quang              | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN Hùng             | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  |                  | KTXQ có dùng thuốc cản quang              | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN Hùng             | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                                | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                          | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.XN.15  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                       | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Trà               | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B3.3   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B3.5   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Th.s Dương            | K. ĐD   | P. B3.1   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B3.1   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B2.6   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Th.s Dương            | K. ĐD   | P. B3.1   |                   |
| 23CD.HS.11  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B3.1   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.Anh                | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.Anh                | K. KTYH | P. B2.2   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.Anh                | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 2    | 7   | 13/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 23CD.PHCN.6 | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Vân              | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6 | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Vân              | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6 | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Vân              | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6 | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | TH         | 60      | 4       | 4       |      | CN Mai Lan            | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 8       | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 12      | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 16      | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 20      | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thảo Vy | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng     | K. Dược | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng     | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ds. Dũng     | K. Dược | P. B3.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B3.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B3.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thư     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học                    | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học      | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học      | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học      | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học      | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý       | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học      | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học      | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học      | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học      | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học      | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý       | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 2    | 7   | 13/09/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CD.DU.14D | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CD.DU.14C              | Hóa phân tích        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.DU.14D | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CD.DU.14C              | Hóa phân tích        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CD.HA.16  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CD.HA.16  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.HA.16  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.HA.16  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CD.HA.16  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CD.XN.16  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CD.XN.16  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.XN.16  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.XN.16  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CD.XN.16  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CD.HS.12  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CD.HS.12  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.HS.12  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.HS.12  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CD.HS.12  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CD.PHR.7  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Sáng  |                          | Cần khớp học         | LT         | 15      | 5       | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CD.PHR.7  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Sáng  |                          | Cần khớp học         | LT         | 15      | 10      | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B3.3   |         |
| 24CD.PHR.7  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Sáng  |                          | Cần khớp học         | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B3.6   |         |
| 24CD.PHR.7  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                          | Cần khớp học         | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                  | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.PHR.7   | 2    | 5   | 11/09/2025 | Sáng  |                  | Cẩn khớp học                | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN.LUÂN                     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7   | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Cẩn khớp học                | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | THS.TRÚC                    | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7   | 2    | 6   | 12/09/2025 | Sáng  |                  | Cẩn khớp học                | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.LUÂN                     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHCN.7  | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Thuý                   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.PHCN.7  | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Thuý                   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.PHCN.7  | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Thuý                   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.PHCN.7  | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Thuý                   | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.PHCN.7  | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Thuý                   | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 2   | 08/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 4       | 4       |      | <a href="#">CK1.BS</a> Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 3   | 09/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 8       | 4       |      | <a href="#">CK1.BS</a> Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 4   | 10/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 12      | 4       |      | CK1.BS Luân                 | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 5   | 11/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 16      | 4       |      | <a href="#">CK1.BS</a> Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 6   | 12/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 20      | 4       |      | CK1.BS Luân                 | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 7   | 13/09/2025 | Sáng  |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 25      | 5       |      | <a href="#">CK1.BS</a> Luân | Khoa Y  | P. B3.1   |         |
| 24TC.YS.33   | 2    | 7   | 13/09/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ sinh sản           | LT         | 60      | 30      | 5       |      | CK1.BS Luân                 | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 2    | 2   | 08/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | BS Phúc                     | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 2    | 3   | 09/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | BS Phúc                     | Khoa Y  | P. B3.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 2    | 4   | 10/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | BS Phúc                     | Khoa Y  | P. B3.3   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 2    | 5   | 11/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | BS Phúc                     | Khoa Y  | P. B3.3   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 2    | 6   | 12/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | BS Phúc                     | Khoa Y  | P. B3.6   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thành                  | BGH     | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học     | LT         | 30      | 19      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời)       | K. KHCB | P. B3.2   |         |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ    |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|------------|
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.5   |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 23      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.3   |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.3   |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths. Thành            | BGH     | P. TH Tin |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 28      | 2       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.5   |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18B      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.5   | (Tiết 1&2) |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Thành            | BGH     | P. TH Tin |            |
| 23CĐ.DD.18A | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths. Thành            | BGH     | P. TH Tin |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B3.2   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 19      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.2   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.5   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18A      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 23      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.3   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thành            | BGH     | P. B2.3   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 28      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.5   |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   | 23CĐ.DD.18A      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.5   | (Tiết 1&2) |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths. Thành            | BGH     | P. TH Tin |            |
| 23CĐ.DD.18B | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | Thực hành NCKH           | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Thành            | BGH     | P. TH Tin |            |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ds. Dũng              | K. Dược | P. B3.5   |            |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y  | P. B3.5   |            |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y  | P. B2.2   |            |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời)   | K. KHCB | P. B3.3   |            |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng              | K. Dược | P. B3.3   |            |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kiểm nghiệm              | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Dsck1.Quảng         | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13D | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Dược lâm sàng            | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                                          | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|---------|
| 23CD.DU.13E | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 23CD.DU.13D      | Dược lâm sàng                                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CD.DU.13E | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 23CD.DU.13D      | Xác suất thống kê Y học                          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CD.DU.13E | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 23CD.DU.13D      | Xác suất thống kê Y học                          | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CD.DU.13E | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 23CD.DU.13D      | Xác suất thống kê Y học                          | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Kỹ thuật siêu âm                                 | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                                 | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ                            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. B3.3   |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                                 | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ                            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                                 | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ                            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. B3.5   |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm                                 | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HA.15  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ                            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                                       | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Tối   |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm        | TH         | 30      | 23      | 3       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm        | TH         | 30      | 27      | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Tối   |                  | Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm        | TH         | 30      | 30*     | 3       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2                                       | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Tối   |                  | Hoá sinh 2                                       | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Ths Trà             | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm | TH         |         |         |         |      | Ths Trà-Ths Quỳnh   | K. KTYH | 27 PCT    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                          | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ               |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|-----------------------|
| 23CĐ.XN.15  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Ths Trà               | K. KTYH | 27 PCT    |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sau đẻ                  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc    | Khoa Y  | P. B3.3   |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. T.T.Huyền        | Khoa ĐD | P. B3.6   |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Dương            | Khoa ĐD | P. TH     |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. T.T.Huyền        | Khoa ĐD | P. TH     |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. T.T.Huyền        | Khoa ĐD | P. TH     |                       |
| 23CĐ.HS.11  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Dương            | Khoa ĐD | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Tối   |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 14      | 4       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.6   |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 19      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.2   |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 24      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B2.6   | Bổ sung<br>(Tiết 3&4) |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 16      | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 29      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.5   |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   |                  | Xác suất, Thông kê y học         | LT         | 30      | 30*     | 1       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB | P. B3.5   | Bổ sung<br>(Tiết 3)   |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHR.6  | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | CN.Anh                | K. KTYH | P. TH     |                       |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | TH         | 60      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan            | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh     |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp      | TH         | 60      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan            | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh     |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương              | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân              | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh     |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 32      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương         | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 36      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương         | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 40      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim mạch, Hô hấp | TH         | 60      | 44      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị          | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị          | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.4   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị          | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                     | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thu       | K. KHCB | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thu       | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị          | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19C  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý            | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học           | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý            | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý            | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học           | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý            | LT         | 45      | 25      | 5       |      |                  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý            | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học           | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý            | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý            | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học           | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý            | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Hóa phân tích      | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CD.DU.14C | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 24CD.DU.14C              | Hóa phân tích        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.DU.14D | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải                                   | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths. Vân Anh                                    | K. KHCB | P. B2.7   |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths. Vân Anh                                    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths. Vân Anh                                    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths. Vân Anh                                    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Vân Anh                                    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.HA.16  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Vân Anh<br>(1 Tiết)<br>Ths.Dung<br>(3 Tiết) | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B2.7   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CD.XN.16  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Vân Anh<br>(1 Tiết)<br>Ths.Dung<br>(3 Tiết) | K. KHCB | P. B2.5   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                      | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------------------------------------|---------|------------|---------|
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B2.7    |         |
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Vân Anh                                     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 24CĐ.HS.12  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Vân Anh<br>(1 Tiết)<br>Ths.Dung<br>(3 Tiết) | K. KHCB | P. B2.5    |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.Hợp(mời)                                     | K. KTYH | P. B3.5    |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN.Luân                                         | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)                                     | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.Hợp(mời)                                     | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN.Luân                                         | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)                                     | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.Hợp(mời)                                     | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN.Luân                                         | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)                                     | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | CN.Luân                                         | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                          | Dầu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | CN.Luân                                         | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHCN.7 | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                          | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Thuỷ                                       | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 24CĐ.PHCN.7 | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                          | Quản lý và Tổ chức y tế     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Đường                                       | Khoa Y  | P. B2.2    | GV mời  |
| 24CĐ.PHCN.7 | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                          | Quản lý và Tổ chức y tế     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Đường                                       | Khoa Y  | P. B2.2    | GV mời  |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  |                          | GDTC                        | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Diệp Tế                                    | K. KHCB | Sân Trường |         |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC      | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC      | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC      | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC      | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | GDTC      | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | GDTC      | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Minh Son | P. ĐT   | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Sang     | Kho ĐD  | P. B3.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HS.13       | Hóa sinh  | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Trà      | K. KHYH | P. B3.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Minh Son | Khoa Y  | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HS.13       | Hóa sinh  | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Trà      | K. KHYH | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Sang     | Kho ĐD  | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Hóa sinh  | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Trà      | K. KHYH | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 3    | 7   | 20/09/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh  | TH         | 30      | 3       | 3       | N1   | Ths Trà      | K. KHYH | 27 PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Y đức     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Sang     | Kho ĐD  | P. B3.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh  | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KHYH | P. B2.7    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20D  | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Y đức                     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Minh Son    | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                  | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Quỳnh       | K. KHYH | P. B3.3   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Y đức                     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Sang        | Kho ĐD  | P. B4.2   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Y đức                     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Minh Son    | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                  | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Quỳnh       | K. KHYH | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Tin học                   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Tin học                   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths.Vân Anh     | K. KHCB | P. B4.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths.Vân Anh     | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths. Hiền       | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths. Hiền       | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths.Vân Anh     | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Cn.Dung         | K. KHCB | P. B4.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Cn.Dung         | K. KHCB | P. B2.3   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15D | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B4.3   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.3   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B4.1   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Minh Son     | P. ĐT   | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Sang        | Kho ĐD  | P. B3.1   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Hóa sinh                 | LT         | 15      | 5       | 5       |      | THS TRÀ          | K. KHYH | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Minh Son     | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HS.13       | Hóa sinh                 | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Trà          | K. KHYH | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Sang        | Kho ĐD  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Hóa sinh                 | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Trà          | K. KHYH | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths Trà          | K. KHYH | 27 PCT    |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.PHR.8   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B4.3   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.3   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B4.1   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Pháp luật                | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 34      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 3   | 16/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 38      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Pháp luật                | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13     | Pháp luật                | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Vân Anh      | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 42      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 46      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 50      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Sáng  |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 55      | 5       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B3.1   |         |
| 24TC.YS.33   | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 60*     | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B3.1   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 3    | 2   | 15/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Pháp luật                | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 3    | 3   | 16/09/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Pháp luật                | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.5   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24TC.YHCT.13 | 3    | 7   | 20/09/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Pháp luật                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | BS Phúc       | Khoa Y  | P. B3.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B4.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Vân Anh   | K.KHCB  | P. B3.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 5   | 18/09/2025 | Tối   | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 18      | 3       |      | Ths.Vân Anh   | K.KHCB  | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 20      | 2       |      | Ths.Vân Anh   | K.KHCB  | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 2   | 15/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B4.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 3   | 16/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 4   | 17/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 5   | 18/09/2025 | Tối   | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 18      | 3       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 6   | 19/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 3    | 6   | 19/09/2025 | Tối   | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 20      | 2       |      | Ths.Vân Anh   | K.KHCB  | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Sang      | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths.Nhung     | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths. Thành    | BGH     | P. TH Tin |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC   | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-------------|---------|
| 23CĐ.DD.18B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Thực hành NCKH              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths. Thành          | BGH     | P. TH Tin   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Sang            | K. ĐD   | P. B2.3     |         |
| 23CĐ.DD.18B | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths.Nhung           | K. ĐD   | P. B2.3     |         |
| 23CĐ.DU.13A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế dược                | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B3.3     |         |
| 23CĐ.DU.13A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Xác suất thống kê Y học     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. KHCB | P. B3.1     |         |
| 23CĐ.DU.13A | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Xác suất thống kê Y học     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. KHCB | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.5     |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3     |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 16      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. TH B.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.5     |         |
| 23CĐ.DU.13C | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu        | K. Dược | P. B2.3     |         |
| 23CĐ.DU.13C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược                | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.3     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược                | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.5     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược                | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.3     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế được             | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.2   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Đức         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2               | TH         | 60      | 16      | 4       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu     | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Đức         | K. KTYH | 27 PCT    |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                          | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM             | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------|------------|---------|---------|---------|------------------|--------------------|---------|-----------|---------|
| 23CD.XN.15 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 20      | 4       |                  | THS TRÀ            | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu             | LT         | 15      | 15*     | 5       |                  | Ths. Đức           | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 24      | 4       |                  | THS TRÀ            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 28      | 4       |                  | THS TRÀ            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 32      | 4       |                  | THS TRÀ            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2                       | TH         | 60      | 36      | 4       |                  | THS TRÀ            | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CD.XN.15 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Huyết học truyền máu             | TH         | 30      | 4       | 4       |                  | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh                  | LT         | 30      | 5       | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                    | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 20      | 4       |                  | Ths. Dương         | Khoa ĐD | P. TH     |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 24      | 4       |                  | Ths. Dương         | Khoa ĐD | P. TH     |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh                  | LT         | 30      | 10      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh                  | LT         | 30      | 15      | 5       |                  | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Chăm sóc sơ sinh                 | TH         | 30      | 28      | 4       |                  | Ths. Dương         | Khoa ĐD | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 28      | 4       | N1               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 28      | 4       | N2               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 32      | 4       | N1               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 32      | 4       | N2               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 36      | 4       | N1               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 36      | 4       | N2               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 40      | 4       | N1               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 40      | 4       | N2               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 44      | 4       | N1               | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |         |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                          | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ              |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|----------------------|
| 23CĐ.PHR.6  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                      |
| 23CĐ.PHR.6  | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                      |
| 23CĐ.PHR.6  | 4    | 7   | 27/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                      |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ<br>xương           | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim<br>mạch, Hô hấp   | TH         | 60      | 44      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ<br>xương           | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim<br>mạch, Hô hấp   | TH         | 60      | 48      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ<br>xương           | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim<br>mạch, Hô hấp   | TH         | 60      | 52      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ<br>xương           | TH         | 60      | 4       | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim<br>mạch, Hô hấp   | TH         | 60      | 56      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ<br>xương           | TH         | 60      | 8       | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 23CĐ.PHCN.6 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ tim<br>mạch, Hô hấp   | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu<br>Trình |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị               | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                      | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B3.3   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị               | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                      | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.6   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị               | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị               | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19A | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị               | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.4   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Sinh lý bệnh - Miễn<br>dịch      | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. B2.2   |                      |
| 24CĐ.ĐD.19B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |                      |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19B  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Phạm Thị Như Ý   | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý                  | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học                 | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý                  | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý                  | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học                 | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược lý                  | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | DS. CKI. Mai Lan | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý                  | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học                 | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý                  | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Dược lý                  | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu     | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14A     | Bệnh học                 | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14B | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A             | Dược lý              | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | DS. CKI. Mai Lan | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                          | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B4.1   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc    | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc    | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.XN.16   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Dung         | K. KHCB | P. B3.5   |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B4.1   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B4.1   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Giáo dục - chính trị        | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                          | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)   | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                          | Cần khớp học                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                          | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)   | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                          | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN.Luân       | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                          | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)   | K.KTYH  | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|------------|---------|
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | CN.Hợp(mời)  | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | CN.Luân      | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | CN.Hợp(mời)  | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | CN.Luân      | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | THS.TRÚC     | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.LUÂN      | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | THS.TRÚC     | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.LUÂN      | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | THS.TRÚC     | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Cần khớp học                | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.LUÂN      | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 24CĐ.PHCN.7 | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  |                  | Quản lý và Tổ chức y tế     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Đường    | Khoa Y  | P. B2.2    | GV mời  |
| 24CĐ.PHCN.7 | 4    | 7   | 27/09/2025 | Chiều |                  | Quản lý và Tổ chức y tế     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Đường    | Khoa Y  | P. B2.2    | GV mời  |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu                   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Giải phẫu                   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | GDTC                        | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | GDTC                        | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                        | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                        | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                        | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu                   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B2.4    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Giải phẫu             | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Minh Son   | Khoa Y  | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 3       | 3       | N2   | THS TRÀ        | K. KTYH | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Y đức                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Sang       | Khoa Y  | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HS.13       | Vi sinh - KST         | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.Việt .(mơi) | K. KTYH | P. B2.3    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 6       | 3       | N1   | THS TRÀ        | K. KTYH | 27 PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 6       | 3       | N2   | THS TRÀ        | K. KTYH | 27PCT      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Vi sinh - KST         | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.Việt (mơi)  | K. KTYH | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 4    | 7   | 27/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HS.13       | Vi sinh - KST         | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.Việt(mơi)   | K. KTYH | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Y đức                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Sang       | Khoa Y  | P. B4.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   |                | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Y đức                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Son       | Khoa Y  | P. B3.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   |                | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   |                | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D | 4    | 7   | 27/09/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh              | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   |                | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Tin học                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Uyên Tuyền | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A     | Tin học                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Khoa       | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 30      | 5       |      | ThS. Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 35      | 5       |      | ThS. Vân Anh    | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thu        | K. KHCB | P. B2.2   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15C | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1              | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1              | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.5   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.6   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.5   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.6   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Y đức                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Minh Sơn     | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Y đức                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Sang         | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Vì sinh - KST            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN.Việt(moi)     | K. KTYH | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải   | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải   | K. KHCB | P. B3.4   |         |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Vi sinh - KST            | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.Việt(moi)     | K. KTYH | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 4    | 7   | 27/09/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Vi sinh - KST            | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.Việt(moi)     | K. KTYH | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHR.8   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng           | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. T.T.Huyền   | K. ĐD   | P. B3.6   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 43      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng           | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền   | K. ĐD   | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng           | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Sơn         | K. ĐD   | P. B3.3   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 47      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Cấp cứu ban đầu          | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Hương        | K. ĐD   | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Cấp cứu ban đầu          | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths.Hương        | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 50      | 3       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 24TC.YS.33   | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Cấp cứu ban đầu          | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Hương        | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng           | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. T.T.Huyền   | K. ĐD   | P. B3.6   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. B2.2   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu           | TH         | 60      | 4       | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | 2.13      | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Sơn       | K. ĐD   | P. B3.3   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu           | TH         | 60      | 8       | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Cấp cứu ban đầu    | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Hương      | K. ĐD   | P. B2.2   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu           | TH         | 60      | 12      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | 2.13      | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Cấp cứu ban đầu    | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths.Hương      | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều |                  | Châm cứu           | TH         | 60      | 12      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | 2.13      | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Cấp cứu ban đầu    | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Hương      | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | TH         | 60      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | TH         | 60      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh          | TH         | 60      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YS.34   | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 2   | 22/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 3   | 23/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 4   | 24/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh          | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.1   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc                     | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 5   | 25/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                   | TH         | 60      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc                     | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                   | TH         | 60      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc                     | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 6   | 26/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                   | TH         | 60      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc                     | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 4    | 7   | 27/09/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Cn.Dung                           | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Sang (2LT)<br>Ths.Nhung (3LT) | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths.Sang                          | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths.Nhung                         | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths.Sang                          | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Nhung                         | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Dương                        | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Dương                        | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths.Sang                          | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths.Nhung                         | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền                    | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Dương                        | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền                    | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths.Sang                          | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Sang (2LT)<br>Ths.Nhung (3LT) | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Dương                        | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Dương                        | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền                    | K. ĐD   | P. B2.3   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|------------|---------|
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths.Sang            | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths.Nhung           | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Dương          | K. ĐD   | P. B2.3    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths.Sang            | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Nhung           | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền      | K. ĐD   | P. B2.3    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths.Nhung           | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế dược                | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.6    |         |
| 23CĐ.DU.13A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Xác suất thống kê Y học     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. KHCB | P. B3.3    |         |
| 23CĐ.DU.13A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Xác suất thống kê Y học     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thắng (GV mời) | K. KHCB | P. B3.1    |         |
| 23CĐ.DU.13B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng        | K. Dược | B.1.3      |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 16      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                 | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời)   | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.3    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13D | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế được             | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Kinh tế được             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được             | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng         | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Chẩn đoán hình ảnh XQ    | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2               | TH         | 60      | 40      | 4       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2               | TH         | 60      | 44      | 4       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu     | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Đức         | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Huyết học truyền máu     | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Đức         | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|---------------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.XN.15  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2                                   | TH         | 60      | 48      | 4       |       | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.XN.15  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                                   | TH         | 60      | 52      | 4       |       | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.XN.15  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu                         | TH         | 30      | 16      | 4       |       | Ths.Đức             | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Huyết học truyền máu                         | TH         | 30      | 20      | 4       |       | Ths.Đức             | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 2                                   | TH         | 60      | 56      | 4       |       | THS TRÀ             | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 2                                   | TH         | 60      | 60*     | 4       |       | THS TRÀ             | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.HS.11  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Chăm sóc sơ sinh                             | TH         | 30      | 30      | 2       |       | Ths. Huyền          | Khoa ĐD | P. TH     |                   |
| 23CD.HS.11  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh                              | LT         | 30      | 20      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc  | Khoa Y  | P. B3.3   |                   |
| 23CD.HS.11  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Chăm sóc sơ sinh</b>               |            |         |         |         |       | Ths Dương Ths Huyền | Khoa ĐD | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão, sừ ,KL                            | LT         | 15      | 5       | 5       |       | CN.Anh              | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 52      | 4       | N1    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão, sừ ,KL                            | LT         | 15      | 10      | 5       |       | CN.Anh              | K. KTYH | P. B3.3   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 52      | 4       | N2    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão, sừ ,KL                            | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | CN.Anh              | K. KTYH | P. B3.3   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sừ, KL                             | TH         | 60      | 4       | 4       | N1    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | KT PH cố định 2 :<br>mão, cầu KL             | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2    | CN.Anh              | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi KT PH cố định 2 :<br/>mão, cầu KL</b> |            |         |         |         | N1&N2 | CN.Anh,<br>CN.Luân  | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHCN.6 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương                          | TH         | 60      | 12      | 4       |       | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ thần kinh cơ                      | LT         | 30      | 5       | 5       |       | ThS. Vân            | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ thần kinh cơ  | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương      | TH         | 60      | 16      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương      | TH         | 60      | 20      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương      | TH         | 60      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ thần kinh cơ  | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P 2.13    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương      | TH         | 60      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương      | TH         | 60      | 32      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS BS Nga     | Khoa Y  | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS BS Nga     | Khoa Y  | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Phạm Thị Như Ý | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị       | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.2   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC           | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------|------------|---------|---------|---------|-------|----------------|---------|-----------|----------|
| 24CĐ. DU.14A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 8       | 4       |       | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 12      | 4       |       | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 16      | 4       |       | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B3.1   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 20      | 4       |       | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 4       | 4       |       | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B3.3   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 8       | 4       |       | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B3.1   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 12      | 4       |       | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.6   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 16      | 4       |       | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.6   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 20      | 4       |       | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.6   |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     | Tiết 3&4 |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược liệu         | LT         | 45      | 5       | 5       |       | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Thi Hóa phân tích |            |         |         |         | N1&N2 | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D     | Dược liệu         | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. B2.1   |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D     | Dược liệu         | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. B2.4   |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 4       | 4       | N1    | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14C | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 4       | 4       | N2    | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14D | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược liệu         | LT         | 45      | 5       | 5       |       | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14D | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14D | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14D | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ. DU.14D | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích     | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. TH     | Tiết 3&4 |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC                            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-------------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CD.DU.14D | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 24CD.DU.14C              | Dược liệu                          | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung     | K. Dược | P. B2.1   |                   |
| 24CD.DU.14D | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                          | Thi Hóa phân tích                  |            |         |         |         | N1&N2 | ThS. Đinh Hải     | K. KHCB | P. TH     |                   |
| 24CD.DU.14D | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 24CD.DU.14C              | Dược liệu                          | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung     | K. Dược | P. B2.4   |                   |
| 24CD.DU.14D | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu                          | TH         | 60      | 4       | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung     | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CD.DU.14D | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                          | Dược liệu                          | TH         | 60      | 4       | 4       | N2    | Ds. Đoàn Dung     | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CD.HA.16  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 20      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.HA.16  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều | 24CD.XN.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 25      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.XN.16  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 20      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.XN.16  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 25      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.HS.12  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 20      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.HS.12  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                        | LT         | 30      | 25      | 5       |       | ThS. Nhã Trúc     | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | THS.TRÚC          | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | CN.LUÂN           | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | THS.TRÚC          | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | CN.LUÂN           | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | THS.TRÚC          | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                          | Cẩn khớp học                       | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | CN.LUÂN           | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                          | Thi TH Dấu (khuôn) mẫu trong KTPHR |            |         |         |         |       | THS.TRÚC, CN.LUÂN | K.KTYH  | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                          | Thi TH CẨN KHỚP HỌC                |            |         |         |         |       | THS.TRÚC, CN.LUÂN | K.KTYH  | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHCN.7 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                          | Bệnh học                           | LT         | 45      | 5       | 5       |       | ThS. Vân          | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.PHCN.7 | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                          | Bệnh học                           | LT         | 45      | 10      | 5       |       | ThS. Vân          | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.PHCN.7 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                          | Bệnh học                           | LT         | 45      | 15      | 5       |       | ThS. Vân          | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|------------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Quản lý và Tổ chức y tế              | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Đường    | Khoa Y  | P. B.2.2   | GV mời            |
| 24CĐ.PHCN.7 | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Quản lý và Tổ chức Y tế              | LT         | 30      | 30      | 5*      |      | Ths Đường    | Khoa Y  | P. B.2.2   | GV mời            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KHCB | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH      |                   |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Sang      | BGH     | P. B2.6    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 3   | 30/09/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 9       | 3       | N1   | THS TRÀ        | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B3.3    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 9       | 3       | N2   | THS TRÀ        | K. KTYH | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Sang      | Khoa Y  | P. B3.3    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 13      | 4       | N1   | THS TRÀ        | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 13      | 3       | N2   | THS TRÀ        | K. KTYH | P. TH      | 27 PCT  |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  |      | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  |      | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Nhung     | K. ĐD   | P. B3.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Sang      | Khoa Y  | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   |                | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   |                | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   |                | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                  | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B3.1   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1           | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1           | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1           | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1           | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1           | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17       | Y đức                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Y đức                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17       | Y đức                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Y đức                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải   |         | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải   | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải   | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh              | TH         | 30      | 8       | 4       |      | THS TRÀ          | K. KHCB | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13   | 5    | 5   | 02/10/2025 | Tối   |                  | Vì sinh - KST         | TH         | 30      | 3       | 3       |      | CN.Việt (mời)    | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.HS.13  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST            | TH         | 30      | 6       | 3       |      | CN.Việt(moi)     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh                 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh                 | TH         | 30      | 16      | 4       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật                | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Vân Anh      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật                | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Vân Anh      | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Y đức                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật                | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật                | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Vân Anh      | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật                | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Vân Anh      | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Huyền        | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Y đức                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật                | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu          | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Hương       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Hương       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 3   | 30/09/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 54      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu          | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Hương       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu          | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Hương       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 5   | 02/10/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 58      | 4       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu          | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Hương       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 6   | 03/10/2025 | Tối   |                  | Sức khoẻ sinh sản        | LT         | 60      | 60*     | 2       |      | CK1.BS Luân      | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 24TC.YS.33  | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng           | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền   | K. ĐD   | P. B2.6   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 24TC.YS.33   | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Sơn       | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu        | TH         | 60      | 16      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Cn.Thanh       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 3   | 30/09/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu        | TH         | 60      | 20      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Cn.Thanh       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu        | TH         | 60      | 24      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P2.13     | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Cn.Thanh       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu        | TH         | 60      | 28      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P2.13     | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 5   | 02/10/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Cn.Thanh       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu        | TH         | 60      | 32      | 4       |      | BS Phúc        | Khoa Y  | P2.13     | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 6   | 03/10/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Cn.Thanh       | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 7   | 04/10/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 5    | 7   | 04/10/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Sơn       | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 20      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 24      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 28      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 32      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YS.34   | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 36      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh       | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 2   | 29/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh       | TH         | 60      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------|---------|-----------|---------|
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 3   | 30/09/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 20      | 4       |       | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 24      | 4       |       | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 4   | 01/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 28      | 4       |       | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 5   | 02/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 32      | 4       |       | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 5    | 6   | 03/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 36      | 4       |       | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 20      | 4       | N1    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2    | Ths.Sang              | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSCK Trẻ em                        | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 20      | 4       | N2    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 4       | 4       | N1    | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 4       | 4       | N2    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | Ths.Sang              | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths.Sang              | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 8       | 4       | N1    | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 8       | 4       | N2    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths.Sang              | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 12      | 4       | N1    | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                        | TH         | 30      | 12      | 4       | N2    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH CS NB Cấp cứu & CS Tích cực |            |         |         |         | N1&N2 | Ths Sang<br>Ths Nhung | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSCK Trẻ em                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | CS NB Cấp cứu & CS Tích cực | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths.Sang       | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DU.13A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Kinh tế dược                | TH         | 30      | 30      | 2*      |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DU.13A | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Dược Lâm sàng               | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC   | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------|---------|-------------|---------|
| 23CĐ.DU.13A | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Được Lâm sàng            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Mỹ Hiếu      | K. Dược | P. B2.2     |         |
| 23CĐ.DU.13B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng      | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng      | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng      | K. Dược | P. TH B.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng      | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng      | K. Dược | P. THB.1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng       | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời) | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng       | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds Trinh (Gv mời) | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13C | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Dsck1.Quảng       | K. Dược | PTH B1.3    |         |
| 23CĐ.DU.13D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga  | Khoa Y  | P. B2.5     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13D | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13E | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga  | Khoa Y  | P. B2.5     |         |
| 23CĐ.DU.13E | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13E | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.DU.13E | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế dược             | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng          | K. Dược | P. B3.2     |         |
| 23CĐ.HA.15  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Ths. Bs. Hiếu     | K. KTYH | PTH         |         |
| 23CĐ.HA.15  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật siêu âm         | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Ths. Bs. Hiếu     | K. KTYH | PTH         |         |
| 23CĐ.HA.15  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | KT chụp CLĐT và CHTN     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. B2.2     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.HA.15  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | KT chụp CLĐT và CHTHN       | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN Hùng            | K. KTYH | P. B2.2   |                   |
| 23CD.XN.15  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Hoá sinh 2           |            |         |         |         |      | THS TRÀ THS QUỲNH  | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CD.XN.15  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Đức            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu        | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Đức            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Huyết học truyền máu        | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Đức            | K.KTYH  | 27PCT     |                   |
| 23CD.XN.15  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Huyết học truyền máu |            |         |         |         |      | Ths.Đức, Ths.Trà   | K.KTYH  | 27PCT     |                   |
| 23CD.HS.11  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh             | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. B3.3   |                   |
| 23CD.HS.11  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Quản lý hộ sinh             | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. B3.3   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.Phuong(mời)     | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | CN.Phuong(mời)     | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.Phuong (mời)    | K. KTYH | P. B3.3   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | CN.Phuong (mời)    | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.Phuong(mời)     | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL            | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | CN.Phuong (mời)    | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL            | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | CN.Phuong (mời)    | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL            | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL            | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | CN.Phuong (mời)    | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL            | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL            | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | CN.Anh             | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHCN.6 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương         | TH         | 60      | 36      | 4       |      | CN Mai Lan         | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 40      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 44      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 48      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Mỹ        | K. ĐD   | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Mỹ        | K. ĐD   | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ. DU.14B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ. DU.14B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ. DU.14B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.5   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|-------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                          | Dược lý     | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu   | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu   | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D             | Dược liệu   | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu   | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C             | Dược liệu   | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                          | Dược liệu   | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ds. Đoan Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1 | LT         | 30      | 30*     |         |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1 | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1 | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.XN.16   | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1 | LT         | 30      | 30*     |         |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.3   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CD.XN.16  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CD.XN.16  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CD.XN.16  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.HS.12 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CD.HS.12  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                          | LT         | 30      | 30*     |         |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CD.HS.12  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CD.HS.12  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CD.HS.12  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều | 24CD.HA.16 và 24CD.XN.16 | Tiếng Anh 1                          | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                          | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN.LUÂN       | K. KTYH | P. B4.1   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | LT         | 15      | 5       | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B3.3   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                          | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN.LUÂN       | K. KTYH | P. B3.5   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | LT         | 15      | 10      | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | THS.TRÚC      | K. KTYH | P. B2.2   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                          | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN.LUÂN       | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                          | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHCN.7 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                          | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.PHCN.7 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                          | Bệnh học                             | LT         | 45      | 20      | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.PHCN.7 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                          | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.PHCN.7 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                          | Bệnh học                             | LT         | 45      | 25      | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P2.13     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                  | KHOA     | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------------|----------|------------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học                             | LT         | 45      | 30      | 5       |       | ThS. Vân                    | Khoa Y   | P2.13      | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 4       | 4       |       | ThS. Vân                    | Khoa Y   | P2.13      | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 8       | 4       |       | ThS. Vân                    | Khoa Y   | P2.13      | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 12      | 4       |       | ThS. Vân                    | Khoa Y   | P2.13      | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | CN Mai Lan                  | Khoa Y   | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths Bs Hương                | Khoa Y   | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 52      | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHC B | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 26      | 2       | N1    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y   | P. TH      | (Tiết 1&2)        |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y   | P. TH      | (Tiết 3&4)        |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 56      | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHC B | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 30*     | 4       | N1    | CN Mai Lan                  | Khoa Y   | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 60*     | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHC B | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths Bs Hương                | Khoa Y   | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu                     |            |         |         |         | N1&N2 | Ths Bs Hương<br>Ths Bs Hạnh | Khoa Y   | P. TH      | Tiết 1&2          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths Bs Hương                | Khoa Y   | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 15      | 5       |       | Ths Bs Nga                  | Khoa Y   | P. B2.1    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 52      | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHC B | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | CN Mai Lan                  | Khoa Y   | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                            | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | Ths Bs Hương                | Khoa Y   | P. TH      |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                                 | TH         | 60      | 56      | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHC B | P. TH      |                   |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                  | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------------|---------|------------|----------|
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 26      | 2       | N1    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | P. TH      | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 26      | 2       | N2    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | P. TH      | Tiết 3&4 |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 60*     | 4       |       | Th.s Diệp Tế                | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 30*     | 4       | N1    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                | TH         | 30      | 30*     | 4       | N2    | CN Mai Lan                  | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                  | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths Bs Hương                | Khoa Y  | P. B2.4    |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu         |            |         |         |         | N1&N2 | Ths Bs Hương<br>Ths Bs Hạnh | Khoa Y  | P. TH      | Tiết 3&4 |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                  | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths Bs Hương                | Khoa Y  | P. B2.4    |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                  | LT         | 30      | 15      | 5       |       | Ths Bs Nga                  | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HS.13       | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | Ths. Thanh Hải              | K. KHCB | P. B3.2    |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 16      | 3       | N1    | THS TRÀ                     | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |       | Ths. Nhung                  | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 16      | 3       | N2    | THS TRÀ                     | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 19      | 3       | N1    | THS TRÀ                     | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 19      | 3       | N2    | THS TRÀ                     | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST            | TH         | 30      | 4       | 4       | N1    | CN.Nguyệt (mời)             | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST            | TH         | 30      | 4       | 4       | N2    | CN.Nguyệt(mời)              | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N2    |                             | K. KTYH | PTH        | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Sinh học và Di truyền    | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | Ths. Thanh Hải              | K. KHCB | P. B2.1    |          |
| 25CĐ.ĐD.20D | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |       | Ths. Sang                   | Khoa Y  | P. B4.1    |          |
| 25CĐ.ĐD.20D | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST            | LT         | 15      | 5       | 5       |       | CN. Việt (GV Mời)           | K. KTYH | P. B3.2    |          |
| 25CĐ.ĐD.20D | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                 | TH         | 30      | 20      | 4       | N1    |                             | K. KTYH | PTH        | 27 PCT   |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20D  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh           | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   |                                    | K. KTYH | PTH       | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST      | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN. Việt (GV Mời)                  | K. KTYH | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST      | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN. Việt (GV Mời)                  | K. KTYH | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 4       | N2   | Ths. Khoa                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | Ths. Khoa                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Khoa                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Tin học            | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ths. Khoa                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | Tin học            | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ths. Khoa                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học            | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                          | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 4       | 4       |      | Cn.Dung                            | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thu                           | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thu                           | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 8       | 4       |      | Cn.Dung (03 Tiết)<br>Ths.Hiền (01) | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thu                           | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Hiền                           | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thu                           | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Hiền                           | K. KHCB | P. B2.3   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                  | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Hiền (01 Tiết)<br>Ths.Vân Anh (03 Tiết) | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thảo Vy                                | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thảo Vy                                | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thảo Vy                                | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thảo Vy                                | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 6   | 10/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị          | LT         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Thuý                                   | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Thuý                                   | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Thuý                                   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường                        | Khoa Y  | P. B2.6   | GV mời  |
| 25CĐ.HA.17   | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường                        | Khoa Y  | P. B2.6   | GV mời  |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.XN.17  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ.XN.17  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.5   |         |
| 25CĐ.XN.17  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ.XN.17  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.6   | GV mời  |
| 25CĐ.XN.17  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.6   | GV mời  |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 30      | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 9       | 3       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh                | TH         | 30      | 20      | 4       |      | THS TRÀ              | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 12      | 3       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 15      | 3       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh                | TH         | 30      | 24      | 4       |      | THS TRÀ              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.HS.13  | 6    | 7   | 11/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh                | TH         | 30      | 28      | 4       |      | THS TRÀ              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật               | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Cn.Dung              | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền             | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Pháp luật               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hiền             | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật               | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Cn.Dung              | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền             | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Pháp luật               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hiền             | K. KHCB | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu               | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu               | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  | P. B3.4   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|----------|
| 24TC.YS.33   | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Hương             | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YS.33   | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Hương             | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YS.33   | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Hương             | K. ĐD   | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24TC.YS.33   | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Cấp cứu ban đầu</b> |            |         |         |         |      | Cn.Thanh<br>Ths.Hương | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YS.33   | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13     | Y tế cộng đồng                | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. B2.5   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Cn.Thanh              | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                      | TH         | 60      | 36      | 4       |      | BS Phúc               | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Cn.Thanh              | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                      | TH         | 60      | 40      | 4       |      | BS Phúc               | Khoa Y  | P2.13     | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  |                  | Cấp cứu ban đầu               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Cn.Thanh              | K. ĐD   | P. TH     | Tiết 3&4 |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều |                  | Châm cứu                      | TH         | 60      | 40      | 4       |      | BS Phúc               | Khoa Y  | 2.13      | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu                      | TH         | 60      | 44      | 4       |      | BS Phúc               | Khoa Y  | P2.13     | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 5   | 09/10/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Cấp cứu ban đầu</b> |            |         |         |         |      | Cn.Thanh<br>Ths.Hương | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu                      | TH         | 60      | 48      | 4       |      | BS Phúc               | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 6    | 7   | 11/10/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y tế cộng đồng                | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. B2.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 40      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B2.2   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 44      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B2.6   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 48      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B3.6   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 52      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B2.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 56      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B3.3   |          |
| 25TC.YS.34   | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B3.3   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 2   | 06/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                     | TH         | 60      | 40      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCb | P. B2.2   |          |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM             | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------------------|-----------------------|---------|-----------|---------|
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 3   | 07/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 44      | 4       |                  | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 48      | 4       |                  | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 4   | 08/10/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 52      | 4       |                  | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 5   | 09/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 56      | 4       |                  | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 6    | 6   | 10/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Tiếng Anh                          | TH         | 60      | 60*     | 4       |                  | ThS. Nhã Trúc         | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 16      | 4       | N1               | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 5       | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 20      | 4       | N1               | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 20      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 10      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 15      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 24      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 24      | 4       | N1               | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 20      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 25      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 28      | 4       | N1               | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH CS NB Cấp cứu & CS Tích cực |            |         |         |         | N1&N2            | Ths.Sang<br>Ths.Nhung | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 16      | 4       | N1               | Ths. Dương            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | CSSK Trẻ em                        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình              | LT         | 30      | 5       | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM             | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------------------|----------------|---------|------------|---------|
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em           | TH         | 30      | 20      | 4       | N1               | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em           | TH         | 30      | 20      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình | LT         | 30      | 10      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình | LT         | 30      | 15      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em           | TH         | 30      | 24      | 4       | N2               | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK Trẻ em           | TH         | 30      | 24      | 4       | N1               | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình | LT         | 30      | 20      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình | LT         | 30      | 25      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 23CĐ.DU.13A | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Dược Lâm sàng         | LT         | 30      | 25      | 5       |                  | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.5    |         |
| 23CĐ.DU.13A | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Dược Lâm sàng         | LT         | 30      | 30*     | 5       |                  | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.3    |         |
| 23CĐ.DU.13B | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 44      | 4       | N1               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 44      | 4       | N2               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 48      | 4       | N1               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 48      | 4       | N2               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | B.1.3      |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 36      | 4       | N2               | Dsck1.Quảng    | K. Dược | P. TH Dược |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 40      | 4       | N1               | Dsck1.Quảng    | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 40      | 4       | N2               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 44      | 4       | N1               | Dsck1.Quảng    | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 44      | 4       | N2               | Dsck1. Quảng   | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13C | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm           | TH         | 60      | 48      | 4       | N1               | Dsck1.Quảng    | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược          | TH         | 30      | 24      | 4       |                  | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.4    |         |
| 23CĐ.DU.13D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế dược          | TH         | 30      | 28      | 4       |                  | Ds. Dũng       | K. Dược | P. B3.4    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kinh tế được          | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ds. Dũng        | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được          | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng        | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được          | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ds. Dũng        | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kinh tế được          | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ds. Dũng        | K. Dược | P. B3.4   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | KT chụp CLĐT và CHTHN | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN Hùng         | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.PHR.6  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | CN.Phương(mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | CN.Phương(mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | CN.Phương(mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | CN.Anh         | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KT      | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.Phương(mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHCN.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 52      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 56      | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ cơ xương   | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   | Tiết 1&2          |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Tuyền     | K. ĐD   | P. B2.4   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Tuyền     | K. ĐD   | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Tâm       | K. KHCB | P. B2.1   | Tiết 3&4          |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |                   |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC   | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------|-------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14A | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 60*     | 4       |      | Ths. Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 44      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 48      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 52      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 56      | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH          | 60      | 60*     | 4       |      | Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds. Vy         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung  | K. Dược | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP         | MÔN HỌC                       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|--------------------------|-------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.DU.14Đ | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                          | Dược liệu                     | TH          | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ.DU.14Đ | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu                     | TH          | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ.DU.14Đ | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                          | Dược liệu                     | TH          | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ.DU.14Đ | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                          | Dược liệu                     | TH          | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HA.16  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HA.16  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HA.16  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.HA.16  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.XN.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.XN.16  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.XN.16  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.XN.16  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.HS.12 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.HS.12  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HS.12  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HS.12  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.HS.12  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.HS.12  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.HA.16 và 24CĐ.XN.16 | Tiếng Anh 1                   | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Nhã Trúc | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                          | Ghi và tái lập các tương quan | TH          | 30      | 12      | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                          | Ghi và tái lập các tương quan | TH          | 30      | 12      | 4       | N2   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                          | Ghi và tái lập các tương quan | TH          | 30      | 16      | 4       | N1   | THS.TRÚC      | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 28      | 2       | N1   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 28      | 2       | N2   | THS.TRÚC       | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Bệnh học                             | LT         | 45      | 35      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 16      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học                             | LT         | 45      | 40      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 20      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học                             | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 24      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng           | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng           | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga     | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng           | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                              | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. T.T.Huyền    | K. ĐD   | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh       | Khoa Y  | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Dương        | K. ĐD   | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh lý                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga        | Khoa Y  | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.ĐD.20B | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Nhung         | K. ĐD   | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 2   | 13/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 22      | 3       | N1   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Sang         | Khoa Y  | P. B3.1   | Mời K.ĐD |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 22      | 3       | N2   | THS TRÀ           | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 4   | 15/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 25      | 3       | N1   | THS TRÀ           | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Nhung        | Khoa Y  | P. B2.5   |          |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 5   | 16/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 25      | 3       | N2   | THS TRÀ           | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN. Nguyệt (Mời)  | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20C | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.NGUYỆT (MỜI)   | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Nhung        | Khoa Y  | P. B3.3   |          |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN. Việt (GV Mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Sang         | Khoa Y  | P. B3.2   |          |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20D | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   |                   | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20D  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST               | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN. Việt (GV Mời)    | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST               | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN. Việt (GV Mời)    | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT   |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15A | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15B | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                     | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thu             | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thu             | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thảo Vy         | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                 | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thảo Vy         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Thuý            | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Thuý            | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý đại cương và Lý sinh | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Thuý            | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.3   | GV mời  |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.HA.17  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B3.1    | GV mời  |
| 25CĐ.XN.17  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.3    |         |
| 25CĐ.XN.17  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B3.1    |         |
| 25CĐ.XN.17  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Sinh học và Di truyền   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải       | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ.XN.17  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.3    | GV mời  |
| 25CĐ.XN.17  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B3.1    | GV mời  |
| 25CĐ.HS.13  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 18      | 3       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.HS.13  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh                | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | THS TRÀ              | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.HS.13  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Tối   |                  | Thi TH Hoá sinh         |            |         |         |         |      | THS TRÀ<br>THS QUỲNH | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.HS.13  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 22      | 4       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.HS.13  | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 26      | 4       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | GDTC                    | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương         | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | GDTC                    | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương         | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 12      | 4       |      | ThS. Hùng            | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 16      | 4       |      | ThS. Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 20      | 4       |      | ThS. Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 7    | 2   | 13/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | GDTC                    | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu               | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương         | Khoa Y  | P. B2.4    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC             | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN             | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | GDTC                | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu           | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | GDTC                | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu           | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga       | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu           | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga       | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.PHCN.8  | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 2   | 13/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em     | LT         | 60      | 10      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.2    |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 3   | 14/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | LT         | 15      | 10      | 5       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. B3.3    |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. B3.5    |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em     | LT         | 60      | 10      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.2    |         |
| 24TC.YS.33   | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | TH         | 30      | 4       | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33   | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | TH         | 30      | 8       | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em     | LT         | 60      | 15      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh       | Khoa Y  | P. B2.2    | GV mời  |
| 24TC.YS.33   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền     | TH         | 30      | 12      | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | 2.13       | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 7    | 3   | 14/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu            | TH         | 60      | 52      | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P2.13      | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 7    | 4   | 15/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu            | TH         | 60      | 56      | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P2.13      | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Châm cứu            | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | BS Phúc                | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 25TC.YS.34   | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vì sinh - KST       | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Hương (mời)        | K. KTYH | P. B3.1    |         |
| 25TC.YS.34   | 7    | 5   | 16/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 45      | 5       | 5       |      | ThS. Vân               | Khoa Y  | P. B3.3    |         |
| 25TC.YS.34   | 7    | 6   | 17/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 45      | 10      | 5       |      | ThS. Vân               | Khoa Y  | P. B2.6    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25TC.YS.34   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ths Bs Hương                 | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vì sinh - KST                 | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths.Hương (mời)              | K. KTYH | P. B2.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 7    | 4   | 15/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vì sinh - KST                 | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths.Hương (mời)              | K. KTYH | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 7    | 5   | 16/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 60      | 5       | 5       |       | ThS. Vân                     | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 7    | 6   | 17/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 60      | 10      | 5       |       | ThS. Vân                     | Khoa Y  | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 7    | 7   | 18/10/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Vì sinh - KST                 | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths.Hương (mời)              | K. KTYH | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | CSSK PN, BM, Gia đình         | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 4       | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths. Dương                   | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths. T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 8       | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | P.TH      |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Tối   |                  | Thi TH CSCK Trẻ em            |            |         |         |         | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths.Chi                      | K. ĐD   | P. B2.4   | MHTC 2  |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 12      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths.Chi                      | K. ĐD   | P. B2.3   | MHTC 2  |
| 23CĐ.DD.18A  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths.Chi                      | K. ĐD   | P. B2.3   | MHTC 2  |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | CSSK PN, BM, Gia đình         | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths. Dương                   | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths. T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths. Dương                   | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | CSCK Trẻ em                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths. T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 4       | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc           | Khoa Y  | PTH       | PTH     |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|---------------------------|---------|------------|---------|
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 8       | 4       |       | CK1. ĐDPs Minh Lộc        | Khoa Y  | PTH        |         |
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH CSCK Trẻ em            |            |         |         |         | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD   |         |
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths.Chi                   | K. ĐD   | P. B2.4    | MHTC 2  |
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 23CĐ.DD.18A      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths.Chi                   | K. ĐD   | P. B2.3    | MHTC 2  |
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 12      | 4       |       | CK1. ĐDPs Minh Lộc        | Khoa Y  | P. B3.1    |         |
| 23CĐ.DD.18B | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DD.18B      | Thực hành dựa trên bằng chứng | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths.Chi                   | K. ĐD   | P. B2.3    | MHTC 2  |
| 23CĐ.DU.13B | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 52      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng              | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 52      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng              | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng              | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng              | K. Dược | P. THB.1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13B | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1    | Dsck1. Quảng              | K. Dược | B.1.3      |         |
| 23CĐ.DU.13C | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 48      | 4       | N2    | Ds Trinh (Gv mời)         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 52      | 4       | N1    | Dsck1.Quảng               | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 52      | 4       | N2    | Ds Trinh (Gv mời)         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13C | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | Dsck1.Quảng               | K. Dược | P. TH B1.3 |         |
| 23CĐ.DU.13C | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | Ds Trinh (Gv mời)         | K. Dược | PTH B1.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Kinh tế dược                  | TH         | 30      | 28      | 4       |       | DS. Dũng                  | K. Dược | P. B2.1    |         |
| 23CĐ.DU.13D | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Kinh tế dược                  | TH         | 30      | 30*     | 2       |       | DS. Dũng                  | K. Dược | P. B2.3    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2               | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths.Phước                 | K. KTYH | P. B2.2    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2               | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths.Phước                 | K. KTYH | P. B2.2    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2               | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths.Phước                 | K. KTYH | P. B2.2    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2               | TH         | 30      | 4       | 4       |       | Ths.Phước                 | K. KTYH | P. TH      |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                                     | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 23CD.XN.15 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                                  | LT          | 15      | 5       | 5       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CD.XN.15 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Tối   |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT          | 30      | 4       | 4       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Tối   |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT          | 30      | 8       | 4       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Tối   |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT          | 30      | 12      | 4       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Tối   |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT          | 30      | 16      | 4       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Tối   |                  | Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ | LT          | 15      | 4       | 4       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT          | 30      | 21      | 5       |      | BS CK1 Minh Luân | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.Phương (mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)   | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | CN.Phương (mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | CN.Phương (mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.Phương (mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | CN.Phương (mời)  | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | CN.Anh           | K. KTYH | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL      | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | CN.Anh          | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHR.6  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL      | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CĐ.PHCN.6 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ    | TH         | 60      | 4       | 4       |      | CN Mai Lan      | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ    | TH         | 60      | 8       | 4       |      | CN Mai Lan      | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ    | TH         | 60      | 12      | 4       |      | CN Mai Lan      | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Dung        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Dung        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Pháp luật             | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 25      | 5       |      | TS.Thuyền       | K. ĐD   | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | TS.Thuyền       | K. ĐD   | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Pháp luật             | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Dung        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Pháp luật             | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Dung        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Pháp luật             | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền        | K. KHCB | P. B2.1   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC        | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14A | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Dược lý |             |         |         |         |      | Ths. Mỹ Hiếu<br>Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược lý |             |         |         |         |      | Ths. Mỹ Hiếu<br>Dsck1. Mai Lan | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 32      | 4       | N1   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 32      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14D | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu      | TH          | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                                | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-------------------------------------------|---------|-----------|----------|
| 24CD.HA.16 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật           | LT         | 30      | 5       | 5       |       | CN Hùng                                   | K. KTYH | P.. B3.1  |          |
| 24CD.HA.16 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật           | LT         | 30      | 10      | 5       |       | CN Hùng                                   | K. KTYH | P. B2.6   |          |
| 24CD.HA.16 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật           | LT         | 30      | 15      | 5       |       | CN Hùng                                   | K. KTYH | P. B2.6   |          |
| 24CD.HA.16 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật           | LT         | 30      | 20      | 5       |       | CN Hùng                                   | K. KTYH | P. B2.2   |          |
| 24CD.HA.16 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật           | LT         | 30      | 25      | 5       |       | CN Hùng                                   | K. KTYH | P. B2.2   |          |
| 24CD.XN.16 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh                       | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths. BS. Minh Cảnh<br>(GV môi)            | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT   |
| 24CD.XN.16 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh                       | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths. BS. Minh Cảnh<br>(GV môi)            | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT   |
| 24CD.XN.16 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh                       | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths. BS. Minh Cảnh<br>(GV môi)            | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT   |
| 24CD.XN.16 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh                       | TH         | 30      | 4       | 4       |       | Ths. BS. Minh Cảnh<br>(GV môi)            | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT   |
| 24CD.XN.16 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh                       | TH         | 30      | 8       | 4       |       | Ths. BS. Minh Cảnh<br>(GV môi)            | Khoa Y  | 27 PCT    | 27 PCT   |
| 24CD.HS.12 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths. Nhung                                | K. ĐD   | P.. B3.3  |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths. Sang                                 | K. ĐD   | P. B3.1   |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths. Nhung (2 Tiết)<br>Ths. Sang (3 Tiết) | K. ĐD   | P. B3.3   |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | TH         | 30      | 4       | 4       |       | Ths. Nhung                                | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | TH         | 30      | 8       | 4       |       | Ths. Nhung                                | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | TH         | 30      | 12      | 4       |       | Ths. Sang                                 | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa                | LT         | 15      | 5       | 5       |       | ThS. Tuyền                                | K. ĐD   | P. B3.3   |          |
| 24CD.HS.12 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa                  | TH         | 30      | 16      | 4       |       | Ths. Sang                                 | K. ĐD   | P. TH     |          |
| 24CD.PHR.7 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | THS.TRÚC                                  | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 1&2 |
| 24CD.PHR.7 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Ghi và tái lập các tương quan        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | THS.TRÚC                                  | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 3&4 |
| 24CD.PHR.7 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Ghi và tái lập các tương quan | TH         |         |         |         | N1&N2 | THS.TRÚC<br>CN.LUÂN                       | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CD.PHR.7 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 20      | 5       |       | CN.LUÂN                                   | K. KTYH | P. B3.3   |          |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.PHR.7  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CN.LUÂN        | K. KTYH | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu nha khoa                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CN.LUÂN        | K. KTYH | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người       | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 28      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người       | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 32      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người       | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 36      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 40      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 44      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh | TH         | 60      | 48      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Quá trình phát triển con người       | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng           | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths.Nhung      | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N1    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N2    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 12      | 4       | N1    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 12      | 4       | N2    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N1    | Ths. T.T.Huyền        | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N2    | Ths.Nhung             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 3       | N1    | THS TRÀ               | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 3       | N2    | THS TRÀ               | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | THS TRÀ               | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Tối   |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | THS TRÀ               | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Tối   |                  | Thi TH Hoá sinh            |            |         |         |         | N1&N2 | THS TRÀ<br>Ths. QUỲNH | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 12      | 4       | N1    | CN. Nguyệt (GV Mời)   | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 12      | 4       | N2    | CN. Nguyệt (GV Mời)   | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Hóa sinh            |            |         |         |         | N1&N2 |                       | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 7       | 3       | N2    | CN. Việt (GV Mời)     | K. KHCB | P. TH     | 27PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 11      | 3       | N1    | CN. Việt (GV Mời)     | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 11      | 4       | N2    | CN. Việt (GV Mời)     | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 14      | 3       | N1    | CN. Việt (GV Mời)     | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 14      | 3       | N2    | CN. Việt (GV Mời)     | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 18      | 4       | N1    | CN. Việt (GV Mời)     | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST              | TH         | 30      | 18      | 4       | N2    | CN. Việt (GV Mời)     | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT  |
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Tin học                    | TH         | 60      | 40      | 4       | N2    | Ths. Khoa             | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15C | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15D     | Y đức                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN Mai Lan     | KHOA Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15D     | Y đức                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN Mai Lan     | KHOA Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15C     | Y đức                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN Mai Lan     | KHOA Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15C     | Y đức                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN Mai Lan     | KHOA Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.HA.17   | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |



| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.s Diệp Tế         | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.5    | GV mời  |
| 25CĐ.HA.17 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.5    | GV mời  |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều | MHTC 1           | Hoá học                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải        | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều | MHTC 1           | Hoá học                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải        | K. KHCB | P. B2.2    |         |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều | MHTC 1           | Hoá học                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải        | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều | MHTC 1           | Hoá học                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Đình Hải        | K. KHCB | P. B2.2    |         |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.5    | GV mời  |
| 25CĐ.XN.17 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17       | Quản lý và tổ chức y tế | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS Nguyễn Thị Đường | Khoa Y  | P. B2.5    | GV mời  |
| 25CĐ.HS.13 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST           | TH         | 30      | 30      | 4       |      | CN.Việt              | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.HS.13 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Vi sinh - KST    |            |         |         |         |      | CN.Việt; Ths. Đức    | K.KTYH  | 27PCT      |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths. Bs. Khánh Nga   | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN Mai Lan           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                    | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng      | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu               | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y  | P. TH      |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.PHR.8  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths. Bs. Khánh Nga        | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải             | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền          | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải             | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền          | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP | LT         | 15      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải             | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền          | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Đình Hải             | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền          | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13    | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 20      | 5       |      | ThsBsCk2.<br>Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền          | TH         | 30      | 30      | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y  | 2.13       | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 25      | 5       |      | ThsBsCk2.<br>Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 30      | 5       |      | ThsBsCk2.<br>Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC             | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|--------------------|
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 5       | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 9       | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 14      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 18      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 23      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 27      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 32      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 36      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 41      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU   | TTLS       | 135     | 45      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 8    | 2   | 20/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 60      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.2   |                    |
| 25TC.YS.34   | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 60      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.6   |                    |
| 25TC.YS.34   | 8    | 4   | 22/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YS.34   | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST       | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH | P. B3.1   |                    |
| 25TC.YS.34   | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST       | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH | P. B3.1   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 3   | 21/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y  | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 4   | 22/10/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Vi sinh - KST       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 5   | 23/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 6   | 24/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Vi sinh - KST       | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH | P. B3.1   |                    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|---------|
| 25TC.YHCT.14 | 8    | 7   | 25/10/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Vì sinh - KST                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Huong(mời)     | K. KTYH | P. B3.1   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 20      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD   | P. B2.4   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P.TH      |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Tramg          | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Tramg          | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 20      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Tramg          | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Tramg          | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Tramg          | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Dsck1. Quảng       | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Dsck1. Quảng       | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Dsck1. Quảng       | K. Dược | P. B2.5   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN           | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|----------------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13A | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | LT          | 30      | 20      | 5       |       | Dsck1. Quảng         | K. Dược   | P. B2.5   |                |
| 23CĐ.DU.13A | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | LT          | 30      | 25      | 5       |       | Dsck1. Quảng         | K. Dược   | P. B3.1   |                |
| 23CĐ.DU.13A | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | LT          | 30      | 30*     | 5       |       | Dsck1. Quảng         | K. Dược   | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2    | Dsck1. Quảng         | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13B | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Kiểm nghiệm       |             |         |         |         | N1&N2 | Dsck1. Quảng         | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13B | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT          | 30      | 5       | 5       |       | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT          | 30      | 10      | 5       |       | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH          | 60      | 60*     | 4       | N1    | Dsck1.Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13C | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2    | Ds Trinh (Gv mời)    | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13C | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Kiểm nghiệm       |             |         |         |         | N1&N2 | Dsck1.Quảng Ds Trinh | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13C | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT          | 30      | 5       | 5       |       | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT          | 30      | 10      | 5       |       | Ths.Bs.Khánh Nga     | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 5       | 5       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 9       | 4       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 14      | 5       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 18      | 4       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 23      | 5       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 27      | 4       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 32      | 5       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 36      | 4       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 41      | 5       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS        | 135     | 45      | 4       |       |                      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 5       | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 9       | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 14      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 18      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 23      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 27      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 32      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 36      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 41      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG         | TTLS        | 135     | 45      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 5       | 5       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 9       | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 14      | 5       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 18      | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 23      | 5       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 27      | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 32      | 5       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 36      | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 41      | 5       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | KT CHỤP CLĐT VÀ CHTHN | TTLS        | 45      | 45      | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.XN.15  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3            | LT          | 15      | 10      | 5       |      | THS TRÀ    | K. KTYH   | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.XN.15  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2       | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Phước  | K. KTYH   | P. TH     |                    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-------------------|---------|-----------|---------|
| 23CD.XN.15  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                                  | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | THS TRÀ           | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH         | 30      | 16      | 4       |       | Ths.Phước         | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH         | 30      | 20      | 4       |       | Ths.Phước         | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH         | 30      | 24      | 4       |       | Ths.Phước         | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                                  | TH         | 60      | 4       | 4       |       | THS TRÀ           | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                                  | TH         | 60      | 8       | 4       |       | THS TRÀ           | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH         | 30      | 28      | 4       |       | Ths.Phước         | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.XN.15  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 2                             | TH         | 30      | 30*     | 2       |       | Ths.Phước         | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.HS.11  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Tối   |                  | Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ | LT         | 15      | 8       | 4       |       | BS CK1 Minh Luân  | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Tối   |                  | Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ | LT         | 15      | 12      | 4       |       | BS CK1 Minh Luân  | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Tối   |                  | Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ | LT         | 15      | 15*     | 3       |       | BS CK1 Minh Luân  | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Tối   |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT         | 30      | 25      | 4       |       | BS CK1 Minh Luân  | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CD.HS.11  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | CS trong phẫu thuật sản phụ khoa            | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | BS CK1 Minh Luân  | Khoa Y  | P. B3.1   |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | CN.Anh            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2    | CN.Phương(mời)    | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | CN.Anh            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Cầu sứ, KL                            | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1    | CN.Phương(mời)    | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1    | CN.Anh            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | KT PH Mão sứ, KL                            | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2    | CN.Anh            | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Thi KT PH Cầu sứ, KL                        | TH         |         |         |         | N1&N2 | Ths.Trúc, CN.Luân | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHR.6  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Thi KT PH Mão sứ, KL                        | TH         |         |         |         | N1&N2 | CN.Anh, CN.Luân   | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CD.PHCN.6 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ                          | TH         | 60      | 16      | 4       |       | CN Mai Lan        | Khoa Y  | P. TH     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.PHCN.6  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 20      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CD.PHCN.6  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Vân      | Khoa Y  | P. 2.11   | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CD.ĐD.19A  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều | 24CD.ĐD.19C      | Pháp luật                       | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD.ĐD.19B  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 24CD.ĐD.19B  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CD.ĐD.19B  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 24CD.ĐD.19B  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CD.ĐD.19B  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CD.ĐD.19C  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều | 24CD.ĐD.19A      | Pháp luật                       | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14B     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.4   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14B     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14B     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14B     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14B     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14A | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích                   | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |                   |
| 24CD. DU.14B | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14A     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.4   |                   |
| 24CD. DU.14B | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14A     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14B | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14A     | Hóa phân tích                   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 24CD. DU.14B | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích                   | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |                   |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|--------------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CD. DU.14B | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14A     | Hóa phân tích              | LT         | 30      | 20      | 5       |       | ThS. Đinh Hải                  | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CD. DU.14B | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích              | TH         | 30      | 4       | 4       | N2    | ThS. Đinh Hải                  | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14B | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  | 24CD. DU.14A     | Hóa phân tích              | LT         | 30      | 25      | 5       |       | ThS. Đinh Hải                  | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 52      | 4       | N1    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 52      | 4       | N2    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 60      | 4       | N1    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 60      | 4       | N2    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14C | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược liệu           |            |         |         |         | N1&N2 | Ds. Đoàn Dung<br>Đsck1 - Tổ Vv | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 52      | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 52      | 4       | N2    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 56      | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 56      | 4       | N2    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 60      | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                  | TH         | 60      | 60      | 4       | N2    | Ds. Đoàn Dung                  | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD. DU.14D | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Thi TH Dược liệu           |            |         |         |         | N1&N2 | Ds. Đoàn Dung<br>Đsck1 - Tổ Vv | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16   | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | CN Hùng                        | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 24CD.HA.16   | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 4       | 4       |       | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16   | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối         | LT         | 15      | 5       | 5       |       | CN Hùng                        | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CD.HA.16   | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 8       | 4       |       | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16   | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối         | LT         | 15      | 10      | 5       |       | CN Hùng                        | K. KTYH | P. B2.2   |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CD.HA.16 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 12      | 4       |      | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối         | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN Hùng                        | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CD.HA.16 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 20      | 4       |      | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.HA.16 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN Hùng                        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Quỳnh                      | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Bs. Minh Cảnh<br>(GV Môi) | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CD.XN.16 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Quỳnh                      | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Bs. Minh Cảnh<br>(GV Môi) | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CD.XN.16 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Quỳnh                      | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Bs. Minh Cảnh<br>(GV Môi) | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CD.XN.16 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths Quỳnh                      | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Bs. Minh Cảnh<br>(GV Môi) | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CD.XN.16 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths Quỳnh                      | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CD.XN.16 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Bs. Minh Cảnh<br>(GV Môi) | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CD.HS.12 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa      | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Mỹ                        | K. ĐD   | P. B2.2   |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Sang                      | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa      | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Tuyền                     | K. ĐD   | P. B2.6   |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Nhung                     | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa      | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Tuyền                     | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa        | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Nhung                     | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa      | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Tuyền                     | K. ĐD   | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM      | GIẢNG VIÊN                 | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|-----------|----------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.HS.12  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Nội khoa                      | TH         | 30      | 30*     | 2       |           | Ths. Sang                  | K. ĐD   | P. TH     |                   |
| 24CĐ.HS.12  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                                  | LT         | 30      | 5       | 5       |           | ĐS CK1. MAI LAN            | K. Dược | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.HS.12  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Điều dưỡng Nội khoa</b>        |            |         |         |         |           | Ths. Nhung<br>Ths. Sang    | K. ĐD   | P. TH     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp                         | LT         | 15      | 5       | 5       |           | CN.ANH                     | K. KTYH | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp                         | TH         | 30      | 4       | 4       | <b>N1</b> | CN.ANH                     | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp                         | LT         | 15      | 10      | 5       |           | CN.ANH                     | K. KTYH | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp                         | LT         | 15      | 15*     | 5       |           | CN.ANH                     | K. KTYH | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp                         | TH         | 30      | 4       | 4       | <b>N2</b> | CN.ANH                     | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHCN.7 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh     | TH         | 60      | 52      | 4       |           | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh     | TH         | 60      | 56      | 4       |           | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Quá trình phát triển con người           | TH         | 30      | 8       | 4       |           | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | GP chức năng hệ vận động & thần kinh     | TH         | 60      | 60*     | 4       |           | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người           | TH         | 30      | 12      | 4       |           | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 20      | 4       | <b>N1</b> | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 20      | 4       | <b>N2</b> | Ths. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 24      | 4       | <b>N1</b> | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 24      | 4       | <b>N2</b> | Ths. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 28      | 4       | <b>N1</b> | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 28      | 4       | <b>N2</b> | Ths. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 30*     | 2       | <b>N1</b> | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng               | TH         | 30      | 30*     | 2       | <b>N2</b> | Ths. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng</b> |            |         |         |         |           | Ths.Dương<br>Ths.T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                           | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                 | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|----------------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths. T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Giáo tiếp và TH Điều dưỡng        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Giáo tiếp và TH Điều dưỡng |             |         |         |         |      | Ths.Nhung<br>Ths.T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 15      | 3       | N1   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 15      | 3       | N2   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 18      | 3       | N1   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 18      | 3       | N2   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 22      | 4       | N1   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 22      | 4       | N2   | CN. Nguyệt (GV Mời)        | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 21      | 3       | N1   | CN. Việt (GV Mời)          | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 21      | 3       | N2   | CN. Việt (GV Mời)          | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 25      | 4       | N1   | CN. Việt (GV Mời)          | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST                     | TH          | 30      | 25      | 4       | N2   | CN. Việt (GV Mời)          | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT   |
| 25CĐ. DU.15A | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                           | TH          | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Khoa                  | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ. DU.15A | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                           | TH          | 60      | 56      | 4       | N1   | Ths. Khoa                  | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ. DU.15A | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học                           | TH          | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Khoa                  | K. KHCB | P. TH Tin |          |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Tin học               | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 60      | 4       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15B | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Tin học               | TH         | 60      | 60      | 4       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15C | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Y đức                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Y đức                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Y đức                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Y đức                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.HA.17   | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17   | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17   | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17   | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17   | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | GDTC                  | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.XN.17   | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  | MHTC 1           | Hoá học               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Đình Hải  | K. KHCB | P. B2.5    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN             | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng        | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga       | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng        | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng        | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Cn. Mai Lan            | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHR.8  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu       | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu       | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga       | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu       | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giải phẫu       | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | GDTC            | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Th.s Diệp Tế           | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Cn. Mai Lan            | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.PHCN.8 | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giải phẫu       | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths Bs Hương           | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 24TC.YS.33  | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Y học cổ truyền | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Bs. Huyền         | Khoa Y  | P. TH      | 27 PCT  |
| 24TC.YS.33  | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em | LT         | 60      | 35      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em | LT         | 60      | 40      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |
| 24TC.YS.33  | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em | LT         | 60      | 45      | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời) | Khoa Y  | P. B2.6    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|-----------|---------|---------|---------|------|-----------------|-----------|-----------|--------------------|
| 24TC.YS.33   | 9    | 7   | 01/11/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP | LT        | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Đinh Hải   | Khoa Y    | P. B2.2   |                    |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 50      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 54      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 59      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 63      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 68      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 72      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 77      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 81      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 86      | 5       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS      | 135     | 90      | 4       |      | BS Phúc         | Khoa Y    |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT        | 30      | 5       | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | Khoa Dược | P. B2.3   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 2   | 27/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | TH        | 30      | 8       | 4       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y    | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT        | 30      | 10      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | Khoa Dược | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT        | 30      | 15      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | Khoa Dược | P. B3.1   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | TH        | 30      | 12      | 4       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y    | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | LT        | 60      | 30      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y    | P. B2.5   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | LT        | 60      | 35      | 5       |      | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y    | P. B2.6   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | TH        | 30      | 16      | 4       |      | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y    | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | LT        | 60      | 40      | 5       |      | Ths Bs Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                    |
| 25TC.YS.34   | 9    | 7   | 01/11/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST            | LT        | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hương (mời) | K. KTYH   | P. B2.6   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 2   | 27/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Dược lý                  | LT        | 30      | 5       | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | Khoa Dược | P. B2.3   |                    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|-----------|-----------|---------|
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Dược lý                       | LT         | 30      | 10      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN    | Khoa Dược | P. B2.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 3   | 28/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Dược lý                       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN    | Khoa Dược | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 4   | 29/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 5   | 30/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hương       | Khoa Y    | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths Bs Hương       | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 6   | 31/10/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths Bs Hương       | Khoa Y    | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 7   | 01/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. B2.2   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 9    | 7   | 01/11/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Vì sinh - KST                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Hương (mời)    | K. KTYH   | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD     | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Chi            | K. ĐD     | P. B2.5   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | CSSK PN, BM, Gia đình         | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Trang          | K. ĐD     | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Trang          | K. ĐD     | P. B3.1   |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13A | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm             | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm             | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm             | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm             | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm             | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13B | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13B | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B3.2   |                    |
| 23CĐ.DU.13C | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13C | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13C | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Xác suất thống kê Y học | LT          | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B3.2   |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 50      | 5       |      | Dsck1. Tổ Vy          | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 54      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 59      | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 63      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 68      | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 72      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 77      | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 81      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 86      | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 90      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG           | TTLS        | 135     | 50      | 5       |      | Ds. Tiến Dũng         | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|-------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 54      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 59      | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 63      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 68      | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 72      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 77      | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 81      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 86      | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 90      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 5       | 5       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 9       | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 14      | 5       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 18      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 23      | 5       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 27      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 32      | 5       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 36      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 41      | 5       |      | CN Hùng           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | KIXQ CỎ ĐUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 45      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                   | TH          | 30      | 12      | 4       |      | THS TRÀ           | K. KTYH   | P. TH     | 27 PCT             |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                   | TH          | 30      | 16      | 4       |      | THS TRÀ           | K. KTYH   | P. TH     | 27 PCT             |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Ký sinh trùng 2       |             |         |         |         |      | Ths.Phước -Ths.Đứ | K. KTYH   | P. TH     |                    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                       | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                      | TH         | 60      | 16      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                       | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                      | TH         | 60      | 20      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                      | TH         | 60      | 24      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CĐ.XN.15  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                      | TH         | 60      | 28      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.HS.11  | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh  | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B3.1   | GV mời            |
| 23CĐ.HS.11  | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh  | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B2.3   | GV mời            |
| 23CĐ.PHCN.6 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 32      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Vân            | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 36      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Vân            | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 40      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT         | 30      | 5       | 5       |      | DS. Dũng            | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT         | 30      | 10      | 5       |      | DS. Dũng            | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | B. B2.4   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CN. Ngọc Diên       | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1                     | TH         | 30      | 4       | 4       |      | CN. Ngọc Diên       | K. KHCB | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | TH         | 30      | 8       | 4       |      | CN. Ngọc Diên       | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1                     | TH         | 30      | 12      | 4       |      | CN. Ngọc Diên       | K. KHCB | P. B2.2   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19B  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1   | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý       | LT         | 30      | 5       | 5       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý       | LT         | 30      | 10      | 5       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý       | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý       | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | B. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Hóa phân tích | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học      | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương  | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học      | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương  | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học      | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hạnh   | Khoa Y  | P. B2.3   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14C | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14B     | Bệnh học                   | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học                   | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương      | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học                   | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương      | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học                   | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hạnh       | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học                   | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh       | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ thuật phòng tối         | TH         | 30      | 4       | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Vật lý tia X-Điện kỹ thuật | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ thuật phòng tối         | TH         | 30      | 8       | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối         | TH         | 30      | 12      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối         | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CN Hùng           | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths Quỳnh         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu bệnh             | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Bs. Minh Cầm | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu bệnh      |            |         |         |         |      | Ths. Bs. Minh Cầm | Khoa Y  | P. B2.4   | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths Quỳnh         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Phước         | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths Quỳnh         | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Phước         | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths Quỳnh         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Phước         | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.XN.16   | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 1                  | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths Quỳnh         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.HS.12   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa      | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Tuyền        | K. ĐD   | P. TH     |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|---------|
| 24CD.HS.12 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | LT         | 30      | 10      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Mỹ         | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Mỹ         | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | LT         | 30      | 15      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Tuyền      | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | LT         | 30      | 20      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Mỹ         | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B3.6   |         |
| 24CD.HS.12 | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN.ANH          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.ANH          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN.ANH          | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.ANH          | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B3.3   |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | CN.ANH          | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B3.1   |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp      | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.ANH          | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN.Phương (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B2.5   |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CD.PHR.7 | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa     | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.Phương(mời)  | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                        | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                 | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P. TH     |                   |
| 24CĐ.PHCN.7 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người | TH         | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Vân                   | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Sang                  | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Nhung                  | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Sang                  | Khoa Y  | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Sang                  | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải             | K. KHCB | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Nhung                 | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK       | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Sang                  | Khoa Y  | P. B2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 2   | 03/11/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 25      | 3       | N1   | CN.Nguyệt(mời)             | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 3   | 04/11/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 25      | 3       | N2   | CN.Nguyệt(mời)             | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 4   | 05/11/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 28      | 3       | N1   | CN.Nguyệt(mời)             | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 5   | 06/11/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 28      | 3       | N2   | CN.Nguyệt(mời)             | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 6   | 07/11/2025 | Tối   |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | CN.Nguyệt(mời)             | K.KTYH  | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - KST                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | CN.Nguyệt (mời)            | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT            |
| 25CĐ.ĐD.20C | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Vi sinh - KST           |            |         |         |         |      | CN.Nguyệt (mời)<br>Ths Đức | K.KTYH  | P. TH     | 27 PCT            |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                    | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-------------------------------|---------|------------|----------|
| 25CĐ.ĐD.20D  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Tối   |                           | Vi sinh - KST        | TH         | 30      | 28      | 3       | N1    | CN. Việt (GV Mời)             | K.KTYH  | P. TH      | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                           | Vi sinh - KST        | TH         | 30      | 29      | 4       | N2    | CN. Việt (GV Mời)             | K.KTYH  | P. TH      | 27 PCT   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Tối   |                           | Vi sinh - KST        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | CN. Việt (GV Mời)             | K.KTYH  | P. TH      | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Tối   |                           | Vi sinh - KST        | TH         | 30      | 30*     | 1       | N2    | CN. Việt (GV Mời)             | K.KTYH  | P. TH      | Tiết 3   |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                           | Thi TH Vi sinh - KST | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1&N2 | CN. Việt (GV Mời)<br>Ths. Đức | K.KTYH  | 27PCT      |          |
| 25CĐ. DU.15A | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 5       | 5       |       | Ths.Vân Anh                   | K. KHCB | P. B2.5    |          |
| 25CĐ. DU.15A | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ths.Vân Anh                   | K. KHCB | P. B2.3    |          |
| 25CĐ. DU.15A | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ths.Vân Anh                   | K. KHCB | P. B2.5    |          |
| 25CĐ. DU.15A | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 20      | 5       |       | Ths.Vân Anh                   | K. KHCB | P. B2.3    |          |
| 25CĐ. DU.15A | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 25      | 5       |       | Ths.Vân Anh                   | K. KHCB | P. B2.3    |          |
| 25CĐ. DU.15B | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 5       | 5       |       | Ths.Hiền                      | K. KHCB | P. B2.3    |          |
| 25CĐ. DU.15B | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ths.Hiền                      | K. KHCB | P. B2.2    |          |
| 25CĐ. DU.15B | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ths.Hiền                      | K. KHCB | P. B2.4    |          |
| 25CĐ. DU.15B | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 20      | 5       |       | Ths.Hiền                      | K. KHCB | P. B2.5    |          |
| 25CĐ. DU.15B | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                           | Giáo dục chính trị   | LT         | 45      | 25      | 5       |       | Ths.Hiền                      | K. KHCB | P. B2.2    |          |
| 25CĐ. DU.15C | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Y đức                | LT         | 30      | 25      | 5       |       | CN Mai Lan                    | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ. DU.15C | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Y đức                | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | CN Mai Lan                    | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ. DU.15D | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Y đức                | LT         | 30      | 25      | 5       |       | CN Mai Lan                    | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ. DU.15D | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Y đức                | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | CN Mai Lan                    | Khoa Y  | P. B2.1    |          |
| 25CĐ.HA.17   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu            | LT         | 30      | 5       | 5       |       | ThS Vân                       | Khoa Y  | P. B3.1    |          |
| 25CĐ.HA.17   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu            | LT         | 30      | 10      | 5       |       | ThS Vân                       | Khoa Y  | P. B2.5    |          |
| 25CĐ.HA.17   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                           | GDTC                 | TH         | 60      | 44      | 4       |       | Th.s Diệp Tế                  | K. KHCB | Sân Trường |          |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP           | MÔN HỌC   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|----------------------------|-----------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|------------|----------|
| 25CĐ.HA.17  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                            | GDTC      | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.HA.17  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13  | Giải phẫu | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4    |          |
| 25CĐ.HA.17  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                            | GDTC      | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.XN.17  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13  | Giải phẫu | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS Vân          | Khoa Y  | P. B3.1    |          |
| 25CĐ.XN.17  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13  | Giải phẫu | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS Vân          | Khoa Y  | P. B2.5    |          |
| 25CĐ.XN.17  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13  | Giải phẫu | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4    |          |
| 25CĐ.HS.13  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CDD.HA.17 | Giải phẫu | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS Vân          | Khoa Y  | P. B3.1    |          |
| 25CĐ.HS.13  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CDD.HA.17 | Giải phẫu | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS Vân          | Khoa Y  | P. B2.5    |          |
| 25CĐ.HS.13  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CDD.HA.17 | Giải phẫu | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4    |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8                | GDTC      | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng  | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8                | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8                | GDTC      | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng  | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8                | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8                | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8                | Giải phẫu | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. TH      | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8                | Giải phẫu | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. TH      | Tiết 3&4 |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                            | GDTC      | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Ths. Thanh Hùng  | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8                | GDTC      | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8                 | GDTC      | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8                 | GDTC      | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KHCB | Sân Trường |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8                 | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH      |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                 | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH      |          |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                | KHOA      | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------|-----------|------------|--------------------|
| 25CD.PHCN.8  | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | GDTC                     | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB   | Sân Trường |                    |
| 25CD.PHCN.8  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CD.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y    | P. TH      | Tiết 1&2           |
| 25CD.PHCN.8  | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều | 25CD.PHR.8       | Giải phẫu                | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y    | P. TH      | Tiết 3&4           |
| 25CD.PHCN.8  | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  | 25CD.PHR.8       | GDTC                     | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB   | Sân Trường |                    |
| 24TC.YS.33   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 50      | 5       |      | ThsBsCk2.<br>Tú Anh (mời) | Khoa Y    | P. B2.6    |                    |
| 24TC.YS.33   | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 55      | 5       |      | ThsBsCk2.<br>Tú Anh (mời) | Khoa Y    | P. B2.2    |                    |
| 24TC.YS.33   | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khỏe trẻ em          | LT         | 60      | 60*     | 5       |      | ThsBsCk2. Tú Anh (mời)    | Khoa Y    | P. B2.5    |                    |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 95      | 5       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 99      | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 104     | 5       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 108     | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 113     | 5       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 117     | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 122     | 5       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 126     | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 134     | 5       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP CHÂM CỨU        | TTLS       | 135     | 135*    | 4       |      | BS Phúc                   | Khoa Y    |            | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý      | LT         | 60      | 45      | 5       |      | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y    | P. B2.6    |                    |
| 25TC.YS.34   | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN           | Khoa Dược | P. B2.6    |                    |
| 25TC.YS.34   | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN           | Khoa Dược | P. B2.6    |                    |
| 25TC.YS.34   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Dược lý                  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | DS CK1. MAI LAN           | Khoa Dược | P. B3.1    |                    |
| 25TC.YS.34   | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    | P. B2.6    |                    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                       | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|-----------|-----------|---------|
| 25TC.YS.34   | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YS.34   | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 60      | 50      | 5       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. B3.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK      | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y    | P. B2.6   |         |
| 25TC.YS.34   | 10   | 7   | 08/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 60      | 55      | 5       |      | Ths Bs Nga         | Khoa Y    | P. B3.3   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 2   | 03/11/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Dược lý                       | LT         | 30      | 20      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN    | Khoa Dược | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 3   | 04/11/2025 | Chiều | 25TC.YS.34       | Dược lý                       | LT         | 30      | 25      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN    | Khoa Dược | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Sáng  | 25TC.YS.34       | Dược lý                       | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | DS CK1. MAI LAN    | Khoa Dược | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 4   | 05/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan         | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths Bs Nga         | Khoa Y    | P. B3.5   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 5   | 06/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan         | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths Bs Nga         | Khoa Y    | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 6   | 07/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý           | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y    | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 10   | 7   | 08/11/2025 | Chiều | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CN.việt (mời)      | K. KTYH   | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DD.18A  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Chi            | K. ĐD     | P. B2.6   |         |
| 23CĐ.DD.18B  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Thực hành dựa trên bằng chứng | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Trang          | K. ĐD     | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |
| 23CĐ.DU.13A  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm                   | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13A | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm              | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Dsck1. Quảng          | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 11   | 7   | 14/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.4   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga      | Khoa Y    | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 11   | 7   | 14/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Xác suất thống kê Y học  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thế Anh (GV mời) | K. KHCB   | P. B2.4   |                |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS       | 135     | 95      | 5       |      | Dsck1. Tổ Vy          | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS       | 135     | 99      | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS       | 135     | 104     | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS       | 135     | 108     | 4       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG            | TTLS       | 135     | 113     | 5       |      |                       | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 117     | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 122     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 126     | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 131     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13D | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 135*    | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 95      | 5       |      | Ds. Tiến Dũng | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 99      | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 104     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 108     | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 113     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 117     | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 122     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 126     | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 131     | 5       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13E | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG                | TTLS        | 135     | 135*    | 4       |      |               | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      | Bs Hiếu       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      | CN Hùng       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      | CN Hùng       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      | CN Hùng       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      | Bs Hiếu       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      | CN Hùng       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      | CN Hùng       | K. KTYH   |           | BV ĐK Khánh Hoà    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG    | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      | CN Hùng             | K. KTYH |           | BV ĐK Khánh Hoà   |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG    | TTLS        | 90      | 86      | 5       |      | Bs Hiếu             | K. KTYH |           | BV ĐK Khánh Hoà   |
| 23CĐ.HA.15  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | KTXQ CƠ DUNG THUỐC CẢN QUANG    | TTLS        | 90      | 90      | 4       |      | CN Hùng             | K. KTYH |           | BV ĐK Khánh Hoà   |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                      | TH          | 60      | 32      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3                       | LT          | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                      | TH          | 60      | 36      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                      | TH          | 60      | 40      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                       | TH          | 60      | 4       | 4       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3                       | TH          | 60      | 8       | 4       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                      | TH          | 60      | 44      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                      | TH          | 60      | 48      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CĐ.XN.15  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                       | TH          | 60      | 12      | 4       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CĐ.HS.11  | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh  | LT          | 30      | 15      | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B2.2   | GV mời            |
| 23CĐ.HS.11  | 11   | 7   | 15/11/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh  | LT          | 30      | 20      | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B2.2   | GV mời            |
| 23CĐ.PHCN.6 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH          | 60      | 44      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH          | 30      | 4       | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH          | 60      | 48      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH          | 30      | 8       | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH          | 60      | 52      | 4       |      | CN Mai Lan          | Khoa Y  | P. TH     |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19C      | Dược lý                         | LT          | 30      | 30*     | 5       |      | Ds. Dũng            | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương        | Khoa Y  | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH          | 30      | 4       | 4       |      | DS. Dũng            | K. Dược | P. B2.6   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19A  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hạnh   | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương  | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 20      | 4       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ths. Dung     | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị       | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Ths. Dung     | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1              | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CN. Ngọc Diên | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19A      | Dược lý                  | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương  | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hạnh   | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 4       | 4       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương  | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa phân tích            | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM            | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|-----------------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 16      | 4       | N2              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 20      | 4       | N1              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 20      | 4       | N2              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Tối   |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 24      | 4       | N1              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 24      | 4       | N2              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 28      | 4       | N1              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 11   | 7   | 15/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích      | TH         | 30      | 28      | 4       | N2              | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 5       | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học           | LT         | 45      | 25      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 10      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học           | LT         | 45      | 30      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 15      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học           | LT         | 45      | 35      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 11   | 7   | 15/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 20      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 5       | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học           | LT         | 45      | 25      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 10      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học           | LT         | 45      | 30      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 15      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học           | LT         | 45      | 35      | 5       |                 | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 11   | 7   | 15/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 20      | 5       | DS CK1. MAI LAN |                  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối | TH         | 30      | 20      | 4       |                 | CN Hùng          | K. KTYH | P. TH     |         |



| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                             | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN             | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.HA.16 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối                  | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN Hùng                | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ thuật phòng tối                  | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CN Hùng                | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1                     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Phước              | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 1                           | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths Quỳnh              | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1                     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Phước              | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Vi sinh 1</b>             |            |         |         |         |      | Ths Quỳnh<br>ThsS. Trà | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1                     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Phước              | K. KTYH | P. B2.6   |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1                     | TH         | 30      | 4       | 4       |      | DS. Dũng               | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | THS TRÀ                | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1                     | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Phước              | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | THS TRÀ                | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1                     | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Phước              | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng Ngoại khoa               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Mỹ                | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Điều dưỡng Ngoại khoa</b> |            |         |         |         |      | ThS. Mỹ<br>ThS. Tuyền  | K. ĐD   | P. TH     |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                             | TH         | 30      | 4       | 4       |      | DS CK1. MAI LAN        | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                             | TH         | 30      | 8       | 4       |      | DS CK1. MAI LAN        | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                             | TH         | 30      | 12      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN        | K. Dược | P. B3.1   |         |
| 24CĐ.HS.12 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                             | TH         | 30      | 16      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN        | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa                   | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.Phương(mời)         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CĐ.PHR.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp                    | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | CN.ANH                 | K. KTYH | P. TH     | 27PCT   |
| 24CĐ.PHR.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa                   | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN.Phương(mời)         | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 24CĐ.PHR.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp                    | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.ANH                 | K. KTYH | 27PCT     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                        | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN.ANH         | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN.ANH         | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | CN.ANH         | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | CN.ANH         | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | CN.ANH         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT sáp               | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | CN.ANH         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  |                  | Tạo mẫu & KT nhựa              | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | CN.Phuong(mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Quá trình phát triển con người | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động   | TH         | 90      | 4       | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|------------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 8       | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 12      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 16      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 11   | 7   | 15/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 16      | 4       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Sang      | Khoa Y  | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20B      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Sinh học và Di truyền        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B.2.1   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Sang      | Khoa Y  | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20A      | Kỹ năng giao tiếp - GDSK     | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Nhung     | Khoa Y  | P. B.2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P. B.2.5   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.s Diệp Tế   | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân       | Khoa Y  | P. B.3.4   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.s Diệp Tế     | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | GDTC               | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 12      | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Vân         | Khoa Y  | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 16      | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Vân         | Khoa Y  | P. B3.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.3    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Th.S. Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.5    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.5    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.1    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B3.1    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.3    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.3    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thảo Vy     | K. KHCB | P. B3.1    |         |
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHCB | P. B3.3    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  |                           | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Cn.Dung            | K. KHCB | P. B3.3    |         |
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                           | Giáo dục chính trị        | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Cn.Dung            | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                           | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Cn.Dung            | K. KHCB | P. B2.5    |         |
| 25CĐ. DU.15B | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                           | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Nhã Trúc      | K. KHCB | P. B3.3    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Tin học                   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15D              | Tin học                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15C | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Tin học                   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 5       | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B3.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15C              | Tin học                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Trần Văn Đồng | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 10      | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B2.4    |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | ThS. Khoa          | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | ThS. Khoa          | K. KHCB | P. TH Tin  |         |
| 25CĐ. DU.15D | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | ThS. Phú Nhuận     | K. KHCB | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.HA.17   | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga   | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.HA.17   | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                           | GDTC                      | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Th.s Diệp Tế       | K. KHCB | Sân Trường |         |
| 25CĐ.HA.17   | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hương       | Khoa Y  | P. B2.4    |         |
| 25CĐ.HA.17   | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Sinh lý                   | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Nga         | Khoa Y  | P. B2.4    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC          | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ               |
|-------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------------------|---------|------------|-----------------------|
| 25CĐ.HA.17  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>25CĐ.HS.13 | Sinh lý          | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương              | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.HA.17  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                           | GDTC             | TH          | 60      | 60*     | 4       |      | Th.s Diệp Tế              | K. KHCB | Sân Trường |                       |
| 25CĐ.XN.17  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu        | LT          | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y  | P. B2.1    |                       |
| 25CĐ.XN.17  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13 | Giải phẫu        | LT          | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hương              | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.XN.17  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13 | Sinh lý          | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Nga                | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.XN.17  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.HS.13 | Sinh lý          | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương              | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.HS.13  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.XN.17 | Giải phẫu        | LT          | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y  | P. B2.1    |                       |
| 25CĐ.HS.13  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.XN.17 | Giải phẫu        | LT          | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hương              | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.HS.13  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.XN.17 | Sinh lý          | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga          | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.HS.13  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>25CĐ.XN.17 | Sinh lý          | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hương              | Khoa Y  | P. B2.4    |                       |
| 25CĐ.PHR.8  | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8               | Thi TH Giải phẫu |             |         |         |         |      | Ths Bs Hương<br>Khánh Nga | Khoa Y  | P. TH      |                       |
| 25CĐ.PHCN.8 | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8                | Thi TH Giải phẫu |             |         |         |         |      | Ths Bs Hương<br>Khánh Nga | Khoa Y  | P. TH      |                       |
| 24TC.YS.33  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 5       |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 9       |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 14      |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 18      |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 23      |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 27      |         |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 32      | 5       |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 36      | 4       |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 41      | 5       |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |
| 24TC.YS.33  | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 24TC.YHCT.13              | Y TẾ CỘNG ĐỒNG   | TTLS        | 45      | 45*     | 4       |      |                           | K. ĐD   |            | BV YHCT và<br>PHCN KH |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------|---------|-----------|--------------------|
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 5       | 5       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 9       | 4       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 14      | 5       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 18      | 4       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 23      | 5       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 27      | 4       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 32      | 5       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 36      | 4       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 41      | 5       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều | 24TC.YS.33       | Y TẾ CỘNG ĐỒNG             | TTLS       | 45      | 45*     | 4       |      |                           | K. ĐD   |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 11   | 2   | 10/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý        | LT         | 60      | 60*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y  | P. B3.3   |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 3   | 11/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu - Sinh lý        | TH         | 30      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan                | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y  | P. B3.5   |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu - Sinh lý        | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y  | P. TH     |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | LT         | 15      | 4       | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y  | P. B2.2   |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu - Sinh lý |            |         |         |         |      | Ths Bs Hạnh<br>Ths Bs Nga | Khoa Y  | P. TH     | Tiết 1&2           |
| 25TC.YS.34   | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK   | TH         | 30      | 8       | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y  | P. B3.5   |                    |
| 25TC.YS.34   | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Vi sinh - KST              | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CN.việt(mời)              | K. KTYH | P. B2.6   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 2   | 10/11/2025 | Chiều |                  | Tâm lý - GDSK              | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. B2.2   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 3   | 11/11/2025 | Chiều |                  | Tâm lý - GDSK              | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. B3.3   |                    |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 4   | 12/11/2025 | Chiều |                  | Tâm lý - GDSK              | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. B2.6   |                    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ      |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------------------|---------|-----------|--------------|
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK              | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT       |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 5   | 13/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu - Sinh lý |             |         |         |         |      | Ths Bs Hạnh<br>Ths Bs Nga | Khoa Y  | P. TH     | Tiết 3&4     |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK              | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT       |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 6   | 14/11/2025 | Chiều |                  | Tâm lý - GDSK              | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ths Huyền                 | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT       |
| 25TC.YHCT.14 | 11   | 7   | 15/11/2025 | Sáng  | 25TC.YHCT.14     | Vì sinh - KST              | LT          | 30      | 30*     | 5       |      | CN.việt(mời)              | K. KTYH | P. B2.6   |              |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 5       | 5       | N1.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 5       | 5       | N1.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 4       | 4       | N2.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 4       | 4       | N2.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 10      | 5       | N1.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 10      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 8       | 4       | N2.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 8       | 4       | N2.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 15      | 5       | N1.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 15      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 12      | 4       | N2.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 12      | 4       | N2.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 20      | 5       | N1.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 20      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 16      | 4       | N2.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 16      | 4       | N2.2 | Ths.Nhung                 | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC               | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N1.1 | Ths.Sang                  | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC        | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ      |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------|-------------|---------|---------|---------|-------|------------------------------|---------|-----------|--------------|
| 23CĐ.DD.18A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC   | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N1.2  | Ths.Nhung                    | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC   | TTLS        | 45      | 20      | 4       | N2.1  | Ths.Sang                     | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC   | TTLS        | 45      | 20      | 4       | N2.2  | Ths.Nhung                    | K. ĐD   |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 5       | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 9       | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 14      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 18      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 23      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 27      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 32      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 36      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 41      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM | TTLS        | 90      | 45      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD   |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 44      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 44      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 48      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 48      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 52      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 52      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 56      | 4       | N1    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 56      | 4       | N2    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm    | TH          | 60      | 60*     | 4       | N1    | Dsck1. Quảng                 | K. Dược | PTH B1.3  |              |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2   | Dsck1. Quảng       | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 5       | 5       |      | Ds. Đoàn Dung      | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 9       | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 14      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 18      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 23      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 27      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 32      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 36      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 41      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 45      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 5       | 5       |      | Ds. CK1 Mai Lan    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 9       | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 14      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 18      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 23      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 27      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 32      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 36      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 41      | 5       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 45      | 4       |      |                    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13D | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm   | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời) | K. Dược   | P. B2.3   |                    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                        | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------|---------|-----------|---------|
| 23CĐ.DU.13D | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13D | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13D      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 23CĐ.DU.13E | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13D      | Kiểm nghiệm                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ds. Trinh (Gv mời)  | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học chuyên khoa           | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Tối   |                  | Bệnh học chuyên khoa           | LT         | 30      | 9       | 4       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Tối   |                  | Bệnh học chuyên khoa           | LT         | 30      | 13      | 4       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.HA.15  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Tối   |                  | Bệnh học chuyên khoa           | LT         | 30      | 17      | 4       |      | Ths.Bs.Khánh Nga    | Khoa Y  | P. B2.2   |         |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                     | TH         | 60      | 52      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 3                     | TH         | 60      | 56      | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 3                     | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | THS TRÀ             | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3                      | TH         | 60      | 16      | 4       |      | THS QUỲNH           | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Hoá sinh 3</b>       |            |         |         |         |      | Ths Quỳnh-Trà       | K. KTYH | P. TH     |         |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3                      | TH         | 60      | 20      | 4       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.XN.15  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                      | TH         | 60      | 24      | 4       |      | Ths Quỳnh           | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 23CĐ.HS.11  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B3.1   | GV mời  |
| 23CĐ.HS.11  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | Sức khoẻ môi trường và vệ sinh | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS Nguyễn Kim Soạn | Khoa Y  | P. B2.2   | GV mời  |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC              | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.PHR.6  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 5       | 5       | N1   | CN.LUÂN      | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 5       | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | LT          | 15      | 5       | 5       |      | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 10      | 5       | N1   | CN.LUÂN      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 10      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | LT          | 15      | 10      | 5       |      | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 15      | 5       | N1   | CN.LUÂN      | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 15      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | LT          | 15      | 15*     | 5       |      | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. B2.2   |                   |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 20      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 4       | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 19      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 4       | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 24      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 8       | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 24      | 4       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 8       | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 29      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 28      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHCN.6 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ   | TH          | 60      | 56      | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ TK - Cơ              | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P.2.15    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH         | 30      | 12      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P.2.15    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH         | 30      | 16      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P.2.15    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH         | 30      | 20      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P.2.15    | 27 Phan Chu Trinh |
| 23CĐ.PHCN.6  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | BL&VLTL hệ Da-Tiêu hoá-Sinh dục | TH         | 30      | 24      | 4       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P.2.15    | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh   | Khoa Y  | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Nga    | Khoa Y  | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga    | Khoa Y  | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 20      | 4       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh   | Khoa Y  | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Nga    | Khoa Y  | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Sinh lý bệnh - Miễn dịch        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga    | Khoa Y  | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 16      | 4       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B2.4   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu                       | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|-------|---------------|---------|-----------|----------|
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu            | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.5   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     | Tiết 3&4 |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu            | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu            | TH         | 60      | 4       | 4       | N1    | Ds.Vy         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu            | LT         | 45      | 20      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Hóa phân tích |            |         |         |         | N1&N2 | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu            | LT         | 45      | 25      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu            | TH         | 60      | 4       | 4       | N2    | Ds.Vy         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14A | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu            | LT         | 45      | 30      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.5   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu            | LT         | 45      | 5       | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu            | TH         | 60      | 4       | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu            | LT         | 45      | 10      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.5   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu            | TH         | 60      | 4       | 4       | N2    | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu            | LT         | 45      | 15      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 30*     | 4       | N1    | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Hóa phân tích        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     | Tiết 3&4 |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu            | LT         | 45      | 20      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu            | TH         | 60      | 8       | 4       | N1    | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu            | LT         | 45      | 25      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.3   |          |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Thi TH Hóa phân tích |            |         |         |         | N1&N2 | ThS. Đình Hải | K. KHCB | P. TH     |          |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu          | LT         | 45      | 30      | 5       |      | Ds. Đoàn Dung    | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu          | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung    | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học           | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý            | TH         | 60      | 4       | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu      | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 25      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Bệnh học           | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý            | TH         | 60      | 8       | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu      | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 30      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý            | LT         | 45      | 35      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học           | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 25      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý            | TH         | 60      | 4       | 4       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Bệnh học           | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 30      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý            | TH         | 60      | 8       | 4       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý            | LT         | 45      | 35      | 5       |      | DS CK1. MAI LAN  | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ thuật phòng tối | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CN Hùng          | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16   | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh 1         | LT         | 30      | 15      | 5       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |
| 24CĐ.XN.16   | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1    | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh 1         | LT         | 30      | 20      | 5       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 24CĐ.XN.16   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1    | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh 1         | LT         | 30      | 25      | 5       |      | THS TRÀ          | K. KTYH | 27 PCT    |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.XN.16  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 1              | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Phước       | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 24CĐ.XN.16  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | THS TRÀ         | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 24CĐ.XN.16  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1              | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Phước       | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 24CĐ.HS.12  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                      | TH         | 30      | 20      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.HS.12  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                      | TH         | 30      | 24      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B2.6   |                   |
| 24CĐ.HS.12  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                      | TH         | 30      | 28      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | LT         | 15      | 5       | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | THI Tạo mẫu & KT sáp         | TH         |         |         |         |      | CN.Anh, CN.luân | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | LT         | 15      | 10      | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | THI Tạo mẫu & KT nhựa        |            |         |         |         |      | CN.Anh, CN.luân | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | CN.ANH          | K. KTYH | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN.LUÂN         | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN.LUÂN         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN.LUÂN         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHR.7  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.LUÂN         | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 20      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 24      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 28      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 32      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 36      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 40      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 44      | 4       |      | ThS. Vân        | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|------------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 48      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 52      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 56      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 60      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 64      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P.2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Minh Son | P. ĐT   | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Minh Son | P. ĐT   | P. B2.1    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Sang     | Khoa Y  | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.1    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Minh Son | P. ĐT   | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Minh Son | P. ĐT   | P. B2.1    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Sang     | Khoa Y  | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.1    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Hóa sinh                     | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. B2.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu                    | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B2.5    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KTYH | Sân Trường |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giải phẫu                    | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B3.4    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC                         | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Diệp Tế | K. KTYH | Sân Trường |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                        | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths Bs Hương                      | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh                       | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Diệp Tế                      | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Th.s Diệp Tế                      | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh                       | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN Mai Lan                        | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN Mai Lan                        | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths Bs Hương                      | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 28      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng                   | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh                       | Khoa Y  | P. B2.5    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 32      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng                   | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giải phẫu          | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh                       | Khoa Y  | P. B3.4    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 36      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng                   | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 40      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng                   | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 44      | 4       |      | Th.s Thanh Hùng                   | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Cn.Dung                           | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thảo Vy                      | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Hiến (01 Tiết)<br>Cn.Dung (03 | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thảo Vy                      | K. KHCB | P. B3.2    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Cn.Dung                           | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thảo Vy                      | K. KHCB | P. B2.3    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Cn.Dung                           | K. KHCB | P. B3.1    |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 7       | 3       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Tối   |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 8       | 1       |      | Cn.Dung        | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Vân Anh   | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B3.2   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 25      | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.3   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 4       | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | ThS. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Phú Nhuận   | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | ThS. Khoa        | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | ThS. Khoa        | K. KHCB | PTH Tin   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Phú Nhuận   | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | ThS. Khoa        | K. KHCB | PTH Tin   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | ThS. Khoa        | K. KHCB | PTH Tin   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Sinh lý                   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  | MHTC 1                    | Hoá học                   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải    | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan       | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Sinh lý                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Nga       | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN Mai Lan       | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.HA.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Sinh lý                   | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan       | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Sinh lý                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Nga       | Khoa Y  | P. B3.2   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.XN.17   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN Mai Lan       | Khoa Y  | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHP           | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.XN.17  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths Bs Hương          | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.XN.17  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh<br>Nga   | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Sinh lý            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương          | Khoa Y  | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Bs.Khánh<br>Nga   | Khoa Y  | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan            | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Sinh lý            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Nga            | Khoa Y  | P. B3.2   |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hương          | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | CN Mai Lan            | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh<br>Nga   | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.HS.13  | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HA.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths Bs Hương          | Khoa Y  | P. TH     |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B3.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B3.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8               | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thur             | K. KHCB | P. B2.3   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 5       | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 10      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 15      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B3.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 20      | 5       |      | Cn.Dung               | K. KHCB | P. B3.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8                | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thur             | K. KHCB | P. B2.3   |          |
| 24TC.YS.33  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS SẢN    | TTLS       | 90      | 5       | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh<br>Lộc | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS SẢN    | TTLS       | 90      | 9       | 4       |      |                       | Khoa Y  |           | BV 22-12 |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|--------|-----------|----------|
| 24TC.YS.33   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 14      | 5       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 18      | 4       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 23      | 5       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 27      | 4       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 32      | 5       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 36      | 4       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 41      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 45      | 4       |      |                    | Khoa Y |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 12   | 7   | 22/11/2025 | Chiều |                  | Dinh dưỡng, Vệ sinh ATTP    | LT          | 30      | 30*     | 5       |      | ThS. Đình Hải      | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT          | 30      | 15      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT          | 30      | 5       | 5       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT          | 30      | 10      | 5       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. B3.3   |          |
| 24TC.YHCT.13 | 12   | 7   | 22/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT          | 30      | 15      | 5       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 2   | 17/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 12      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B3.3   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 3   | 18/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 16      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B3.6   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 4   | 19/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 20      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 5   | 20/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 24      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 28      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B3.1   |          |
| 25TC.YS.34   | 12   | 6   | 21/11/2025 | Tối   |                  | Kỹ năng giao tiếp - GDSK    | TH          | 30      | 30      | 2       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y | P. B2.2   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 12   | 2   | 17/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK               | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ                 |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|--------|-----------|-------------------------|
| 25TC.YHCT.14 | 12   | 3   | 18/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK | TH          | 30      | 20      | 4       |      | Ths Huyền  | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                  |
| 25TC.YHCT.14 | 12   | 4   | 19/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK | TH          | 30      | 24      | 4       |      | Ths Huyền  | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                  |
| 25TC.YHCT.14 | 12   | 5   | 20/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK | TH          | 30      | 28      | 4       |      | Ths Huyền  | Khoa Y | P. 2.13   | 27PCT                   |
| 25TC.YHCT.14 | 12   | 6   | 21/11/2025 | Sáng  |                  | Tâm lý - GDSK | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ths Huyền  | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT<br>(T3&4 Thi TH) |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N2.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 29      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 29      | 4       | N1.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 30      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 30      | 5       | N2.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 33      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 33      | 4       | N1.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 35      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 35      | 5       | N2.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 37      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 37      | 4       | N1.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 40      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 40      | 5       | N2.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 41      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 41      | 4       | N1.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 5       | N2.1 | Ths.Nhung  | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |
| 23CĐ.DD.18A  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 5       | N2.2 | Ths.Sang   | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87            |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN   | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|--------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DD.18A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC       | TTLS        | 45      | 45*     | 4       | N1.1  | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC       | TTLS        | 45      | 45*     | 4       | N1.2  | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 50      | 5       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 54      | 4       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 59      | 5       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 63      | 4       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 68      | 5       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 72      | 4       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 77      | 5       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 81      | 4       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 86      | 5       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM     | TTLS        | 90      | 90*     | 4       | N1&N2 |              | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DU.13A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Kiểm nghiệm |             |         |         |         | N1&N2 | Dsck1. Quảng | K. Dược   | PTH       |                |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 50      | 5       |       | Ds Đoàn Dung | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 54      | 4       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 59      | 5       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 63      | 4       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 68      | 5       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 72      | 4       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 77      | 5       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 81      | 4       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG      | TTLS        | 135     | 86      | 5       |       |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC              | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM              | GIẢNG VIÊN        | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------|-------------|---------|---------|---------|-------------------|-------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 90      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 50      | 5       |                   | Dsck1.Mai Lan     | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 54      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 59      | 5       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 63      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 68      | 5       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 72      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 77      | 5       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 81      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 86      | 5       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG        | TTLS        | 135     | 90      | 4       |                   |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13D | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm          | LT          | 30      | 30*     | 5       | Ds.Trinh (GV mời) |                   | K. Dược   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 4       | 4       | N1                | Ds.Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 4       | 4       | N2                | Ds.Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 8       | 4       | N1                | Ds.Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 8       | 4       | N2                | Ds.Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13E      | Kiểm nghiệm          | LT          | 30      | 30*     | 5       | Ds.Trinh (GV mời) |                   | K. Dược   | P. B2.3   |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 4       | 4       | N1                | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 4       | 4       | N2                | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 8       | 4       | N1                | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | P. TH     |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm          | TH          | 60      | 8       | 4       | N2                | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | P. TH     |                    |
| 23CĐ.HA.15  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học chuyên khoa | LT          | 30      | 22      | 5       |                   | Ths.Bs.Khánh Nga  | Khoa Y    | P. B3.3   |                    |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC              | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM             | GIẢNG VIÊN       | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------|------------|---------|---------|---------|------------------|------------------|-----------|-----------|----------|
| 23CD.HA.15 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Bệnh học chuyên khoa | LT         | 30      | 27      | 5       |                  | ThS. Bs. Mỹ Linh | Khoa KTYH | P. B3.3   |          |
| 23CD.HA.15 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Bệnh học chuyên khoa | LT         | 30      | 29      | 2       |                  | ThS. Bs. Mỹ Linh | Khoa KTYH | P. B2.2   | Tiết 1&2 |
| 23CD.HA.15 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Bệnh học chuyên khoa | LT         | 30      | 30*     | 1       |                  | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y    | P. B2.2   | Tiết 3   |
| 23CD.XN.15 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3      | LT         | 15      | 5       | 5       |                  | Ths.Phước        | K. KTYH   | P. 2.2    |          |
| 23CD.XN.15 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3            | TH         | 60      | 24      | 4       |                  | Ths Quỳnh        | K. KTYH   | 27 PCT    |          |
| 23CD.XN.15 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3      | LT         | 15      | 10      | 5       |                  | Ths.Phước        | K. KTYH   | P. B2.6   |          |
| 23CD.XN.15 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3            | TH         | 60      | 28      | 4       |                  | Ths Quỳnh        | K. KTYH   | P. TH     | 27 PCT   |
| 23CD.XN.15 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 3      | LT         | 15      | 15*     | 5       |                  | Ths.Phước        | K. KTYH   | P. B2.2   |          |
| 23CD.XN.15 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3            | TH         | 60      | 32      | 4       |                  | Ths Quỳnh        | K. KTYH   | P. TH     | 27 PCT   |
| 23CD.XN.15 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3            | TH         | 60      | 36      | 4       |                  | Ths Quỳnh        | K. KTYH   | 27 PCT    |          |
| 23CD.XN.15 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3      | TH         | 30      | 4       | 4       |                  | Ths.Phước        | K. KTYH   | P. TH     |          |
| 23CD.HS.11 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 5       | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 9       | 4       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 14      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 18      | 4       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 23      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 27      | 4       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 32      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 36      | 4       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 41      | 5       | CK1. ĐDPS Minh L |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | CHĂM SÓC SAU ĐẸ      | TTLS       | 45      | 45*     | 4       |                  |                  | Khoa Y    |           | BV 22-12 |
| 23CD.PHR.6 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS       | 135     | 33      | 5       | N2               | Ths.Linh         | K. KTYH   | P. TH     | 27PCT    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CD.PHR.6  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 33      | 4       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 38      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 37      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 42      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 24      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 42      | 4       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 24      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 47      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 28      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 46      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 28      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 51      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 32      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG               | TTLS        | 135     | 51      | 4       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 32      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 23CD.PHR.6  | 13   | 7   | 29/11/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết            | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 23CD.PHCN.6 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục | TH          | 30      | 28      | 4       |      | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|-------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | BL&VLTL hệ Đa-Tiêu hoá-Sinh dục | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | CN Mai Lan    | Khoa Y  | P2.15     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 28      | 4       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   | Tiết 1&2          |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị              | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B3.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Pháp luật                       | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Hiền      | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị              | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Pháp luật                       | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị              | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Dung      | K. KHCB | P. B2.2   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ds. Dũng      | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                         | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | DS. Dũng      | K. Dược | P. B3.3   | Tiết 3&4          |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu                       | LT         | 45      | 35      | 5       |      | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.4   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                       | TH         | 60      | 8       | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu                       | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.5   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                       | TH         | 60      | 8       | 4       | N2   | Ds.Vy         | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14B     | Dược liệu                       | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                       | TH         | 60      | 12      | 4       | N1   | Ds.Vy         | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                       | TH         | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds.Vy         | K. Dược | P. TH     |                   |
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                       | TH         | 60      | 16      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |                   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM            | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------|------------|---------|---------|---------|-----------------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 16      | 4       | N2              | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu | LT         | 45      | 35      | 5       |                 | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 12      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu | LT         | 45      | 40      | 5       |                 | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 12      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14A     | Dược liệu | LT         | 45      | 45*     | 5       |                 | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 16      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 16      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 20      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Dược liệu | TH         | 60      | 20      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 12      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý   | LT         | 45      | 40      | 5       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14D     | Dược lý   | LT         | 45      | 45*     | 5       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 16      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B3.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 20      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 24      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý   | LT         | 45      | 40      | 5       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.4   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 24CĐ. DU.14C     | Dược lý   | LT         | 45      | 45*     | 5       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 12      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 16      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.6   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 20      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Dược lý   | TH         | 60      | 24      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CD.HA.16  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Bs Hiếu            | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 24CD.HA.16  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Bs Hiếu            | K. KTYH | P. 2.2    |                   |
| 24CD.HA.16  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Bs Hiếu            | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 24CD.HA.16  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang            | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Bs Hiếu            | K. KTYH | P. B2.2   |                   |
| 24CD.HA.16  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang            | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Bs Hiếu            | K. KTYH | P. B2.6   |                   |
| 24CD.XN.16  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 1              | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Phước          | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 24CD.XN.16  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                   | TH         | 30      | 8       | 4       |      | THS TRÀ            | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 24CD.XN.16  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Ký sinh trùng 1       |            |         |         |         |      | Ths.Phước -Ths.Đức | K. KTYH | P. TH     |                   |
| 24CD.XN.16  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                   | TH         | 30      | 12      | 4       |      | THS TRÀ            | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 24CD.HS.12  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                      | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | DS CK1. MAI LAN    | K. Dược | P. B3.5   |                   |
| 24CD.HS.12  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược lý               |            |         |         |         |      | DS CK1. MAI LAN    | K. Dược | P. B3.1   |                   |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN.LUÂN            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.LUÂN            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | CN.LUÂN            | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.LUÂN            | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | CN.LUÂN            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.LUÂN            | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN.LUÂN            | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN.LUÂN            | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | CN.LUÂN            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHR.7  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Vật liệu PHR                 | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | CN.LUÂN            | K. KTYH | 27PCT     |                   |
| 24CD.PHCN.7 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 60      | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                      | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ           |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|-------------------|
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 64      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 68      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 72      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 76      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 80      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 84      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 88      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 24CĐ.PHCN.7 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Lượng giá chức năng vận động | TH         | 90      | 90*     | 2       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  | P2.11     | 27 Phan Chu Trinh |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Sang     | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Minh Son | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Y đức                        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths.Sang     | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Sang    | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Minh Son | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20A      | Y đức                        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Sang    | Khoa Y  | P. B2.4   |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | 27 PCT    |                   |
| 25CĐ.ĐD.20B | 13   | 7   | 29/11/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                     | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths Quỳnh    | K. KTYH | P. TH     | 27PCT             |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN      | KHOA    | PHÒNG HỌC  | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------|---------|------------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.s Diệp Tế    | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Th.s Diệp Tế    | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Th.s Diệp Tế    | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu          | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y  | P. TH      |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Th.s Diệp Tế    | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Th.S Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý            | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Th.S Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý            | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths Bs Hạnh     | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Th.S Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | GDTC               | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Th.S Thanh Hùng | K. KTYH | Sân Trường |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý            | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths Bs Hương    | Khoa Y  | P. B2.1    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thảo Vy    | K. KHCB | P. B2.3    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Cn.Dung         | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thảo Vy    | K. KHCB | P. B2.6    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thảo Vy    | K. KHCB | P. B2.3    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Cn.Dung         | K. KHCB | P. B2.5    |         |
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thảo Vy    | K. KHCB | P. B2.5    |         |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 4       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | TH          | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B3.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 8       | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B3.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 12      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị        | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Vân Anh    | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 20      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Tin học                   | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH          | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.1   |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHP           | MÔN HỌC   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ    |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|-----------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|------------|
| 25CD.HA.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | LT         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Sinh lý   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Sinh lý   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B3.2   |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. B3.4   |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 5    | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Cn. Mai Lan      | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Cn. Mai Lan      | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.HA.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      | Tiết 1 & 2 |
| 25CD.HA.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      | Tiết 3 & 4 |
| 25CD.XN.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Sinh lý   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B2.1   |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Sinh lý   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y  | P. B3.2   |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học   | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. B3.4   |            |
| 25CD.XN.17 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Giải phẫu | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y  | P.TH      |            |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHP           | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA     | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ    |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|----------|-----------|------------|
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Cn. Mai Lan      | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN Mai Lan       | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      | Tiết 1 & 2 |
| 25CĐ.XN.17 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      | Tiết 3 & 4 |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hương     | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Sinh lý            | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y   | P. B2.1   |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Sinh lý            | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Hạnh      | Khoa Y   | P. B3.2   |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths.Bs.Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học            | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Hiếu        | K. KHC B | P. B3.4   |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN Mai Lan       | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN Mai Lan       | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương     | Khoa Y   | P.TH      |            |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      | Tiết 1 & 2 |
| 25CĐ.HS.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Giải phẫu          | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths Bs Khánh Nga | Khoa Y   | P.TH      | Tiết 3 & 4 |
| 25CĐ.PHR.8 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thu         | K. KHC B | P. B2.5   |            |
| 25CĐ.PHR.8 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 25      | 5       |      | Cn.Dung          | K. KHC B | P. B3.4   |            |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.PHR.8   | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Tiếng Anh 1                 | LT          | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thur          | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8   | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị          | LT          | 45      | 30      | 5       |      | Th.Vân Anh         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8   | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị          | LT          | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Vân Anh        | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8  | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1                 | LT          | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thur          | K. KHCB | P. B2.5   |          |
| 25CĐ.PHCN.8  | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị          | LT          | 45      | 25      | 5       |      | Cn.Dung            | K. KHCB | P. B3.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8  | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1                 | LT          | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thur          | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8  | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị          | LT          | 45      | 30      | 5       |      | Ths.Vân Anh        | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8  | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị          | LT          | 45      | 35      | 5       |      | Ths.Vân Anh        | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 24TC.YS.33   | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 86      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33   | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS SẢN             | TTLS        | 90      | 90*     | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH          | 60      | 4       | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT          | 30      | 20      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH          | 60      | 8       | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT          | 30      | 25      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y  | P. 2.13   | 27 PCT   |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                   | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|------------------------------|--------|-----------|----------|
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 12      | 4       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Bài thuốc cổ phương         | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | Ths Huyền                    | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT         | 30      | 20      | 5       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 16      | 4       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT         | 30      | 25      | 5       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 20      | 4       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 24TC.YHCT.13 | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | LT         | 30      | 30*     | 5       |       | BS Phúc                      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT   |
| 25TC.YS.34   | 13   | 2   | 24/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths.Trang                    | K. ĐD  | P. B3.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Cn.Thanh                     | K. ĐD  | P. B3.6   |          |
| 25TC.YS.34   | 13   | 4   | 26/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 15      | 5       |       | Ths.Trang                    | K. ĐD  | P. B3.1   |          |
| 25TC.YS.34   | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 20      | 5       |       | Cn.Thanh                     | K. ĐD  | P. B3.5   |          |
| 25TC.YS.34   | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 25      | 5       |       | Ths.Trang                    | K. ĐD  | P. B2.2   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 2   | 24/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths. Bs Khánh Nga            | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 3   | 25/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths. Bs Khánh Nga            | Khoa Y | P. B4.1   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 4   | 26/11/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 15      | 5       |       | Ths. Bs Khánh Nga            | Khoa Y | P. B3.5   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 5   | 27/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 20      | 5       |       | Ths. Bs Khánh Nga            | Khoa Y | P. B3.6   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 6   | 28/11/2025 | Sáng  |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 25      | 5       |       | Ths. Bs Khánh Nga            | Khoa Y | P. B3.1   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 13   | 7   | 29/11/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I   | LT         | 60      | 5       | 5       |       | Ths Bs Hương                 | Khoa Y | P. B2.2   |          |
| 23CĐ.DD.18A  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM              | TTLS       | 90      | 5       | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM              | TTLS       | 90      | 9       | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM              | TTLS       | 90      | 14      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM              | TTLS       | 90      | 18      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương<br>Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------|-------------|---------|---------|---------|-------|---------------------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 23      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 27      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 32      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 36      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 41      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18A | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM  | TTLS        | 90      | 45      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD     |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 5       | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 9       | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 14      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 18      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 23      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 27      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 32      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 36      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 41      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DD.18B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GĐ | TTLS        | 90      | 45      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y    |           | BV ĐK KH       |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 95      | 5       |       | Ds. Đoàn Dung             | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 99      | 4       |       |                           | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 104     | 5       |       |                           | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 108     | 4       |       |                           | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 113     | 5       |       |                           | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG   | TTLS        | 135     | 117     | 4       |       |                           | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|-------------------|-----------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 122     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 126     | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 131     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 135*    | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH     |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 95      | 5       |      | Dsck1. Mai Lan    | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 99      | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 104     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 108     | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 113     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 117     | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 122     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 126     | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 131     | 5       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13C | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 135*    | 4       |      |                   | Khoa Dược |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13D | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 12      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |
| 23CĐ.DU.13E | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm   | TH          | 60      | 12      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược   | PTH B1.3  |                    |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC             | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|----------------|
| 23CD.DU.13E | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 16      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CD.DU.13E | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 16      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CD.DU.13E | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 20      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CD.DU.13E | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CD.HA.15  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 5       | 5       |      | CN Hùng          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 9       | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 14      | 5       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 18      | 4       |      | CN Hùng          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 23      | 5       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 27      | 4       |      | CN Hùng          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 32      | 5       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 36      | 4       |      | CN Hùng          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 41      | 5       |      | CN Hùng          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.HA.15  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 45      | 4       |      | Bs Hiếu          | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CD.XN.15  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3           | TH          | 60      | 40      | 4       |      | Ths Quỳnh        | K. KTYH | 27 PCT    |                |
| 23CD.XN.15  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3     | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CD.XN.15  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 3     | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CD.XN.15  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3           | TH          | 60      | 44      | 4       |      | Ths Quỳnh        | K. KTYH | 27 PCT    |                |
| 23CD.XN.15  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh 3           | TH          | 60      | 48      | 4       |      | Ths Quỳnh        | K. KTYH | 27 PCT    |                |
| 23CD.XN.15  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3     | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Phước        | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CD.HS.11  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH | TTLS        | 45      | 5       | 5       |      | ThS. Sang        | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH       |
| 23CD.HS.11  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH | TTLS        | 45      | 9       | 4       |      | ThS. Sang        | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH       |



| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC              | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|----------|
| 23CD.HS.11 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 14      | 5       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 18      | 4       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 23      | 5       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 27      | 4       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 32      | 5       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 36      | 4       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 41      | 5       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.HS.11 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | CS SỨC KHOẺ SỐ SINH  | TTLS        | 45      | 45*     | 4       |      | ThS. Sang    | Khoa ĐD |           | BV ĐK KH |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 56      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 55      | 4       | N2   | CN.Luân      | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 60      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 60      | 4       | N1   | CN.Luân      | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 65      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 64      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG    | TTLS        | 135     | 69      | 5       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |          |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG     | TTLS        | 135     | 69      | 4       | N1   | CN.Luân      | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết  | TH          | 60      | 48      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG     | TTLS        | 135     | 74      | 5       | N1   | Ths.Trúc     | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết  | TH          | 60      | 52      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG     | TTLS        | 135     | 73      | 4       | N2   | Ths.Linh     | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết  | TH          | 60      | 52      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG     | TTLS        | 135     | 78      | 5       | N2   | CN.Luân      | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết  | TH          | 60      | 56      | 4       | N1   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG     | TTLS        | 135     | 78      | 4       | N1   | CN.Luân      | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết  | TH          | 60      | 56      | 4       | N2   | CN.HỢP (mời) | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 5       | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 9       | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 14      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 18      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 23      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 27      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 32      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 36      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 41      | 5       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2   | TTLS        | 180     | 45      | 4       |      | ThS. Vân     | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24CĐ.ĐD.19A | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT          | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Mỹ      | K. ĐD   | P. B2.1   |                    |
| 24CĐ.ĐD.19A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT          | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Mỹ      | K. ĐD   | P. B2.1   |                    |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                  | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19A  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Tuyền                                  | K. ĐD   | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Pháp luật             | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Pháp luật             | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths.Hiền                                    | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Hiền (01 Tiết)<br>Ths.Vân Anh (02 Tiết) | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Vân Anh                                 | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 5       | 5       |      | ThS. Mỹ                                     | K. ĐD   | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 10      | 5       |      | ThS. Mỹ                                     | K. ĐD   | P. B2.1   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 15      | 5       |      | ThS. Tuyền                                  | K. ĐD   | P. B2.1   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 20      | 4       | N1   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Ds. Vy                                      | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds. Đoan Dung                               | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds. Đoan Dung                               | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds. Đoan Dung                               | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds. Đoan Dung                               | K. Dược | P. TH     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC           | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM            | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------|------------|---------|---------|---------|-----------------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 32      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 32      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 36      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 36      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 40      | 4       | N1              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu         | TH         | 60      | 40      | 4       | N2              | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14C | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 28      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 32      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 36      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 40      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14C | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 44      | 4       |                 | Ths.Mỹ Hiếu   | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 28      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 32      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.2   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 36      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 40      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.3   |         |
| 24CĐ. DU.14D | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý           | TH         | 60      | 44      | 4       | DS CK1. MAI LAN |               | K. Dược | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang | LT         | 30      | 30*     | 5       |                 | Bs Hiếu       | K. KTYH | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.HA.16   | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu X Quang | TH         | 30      | 4       | 4       |                 | Bs Hiếu       | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu X Quang | TH         | 30      | 8       | 4       |                 | Bs Hiếu       | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu X Quang | TH         | 30      | 12      | 4       |                 | Bs Hiếu       | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.HA.16   | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang | TH         | 30      | 16      | 4       |                 | Bs Hiếu       | K. KTYH | P. TH     |         |
| 24CĐ.XN.16   | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 1        | TH         | 30      | 16      | 4       |                 | ThS. Trà      | K. KTYH | P. TH     | 27 PCT  |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN              | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|-------------------------|---------|-----------|----------|
| 24CĐ.XN.16  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 1                  | TH          | 30      | 20      | 4       |      | THS TRÀ                 | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 24CĐ.XN.16  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1                  | TH          | 30      | 24      | 4       |      | THS TRÀ                 | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 5       | 5       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 9       | 4       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 14      | 5       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 18      | 4       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 23      | 5       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 27      | 4       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 32      | 5       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 36      | 4       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 41      | 5       |      | Ths. Nhung              | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NỘI KHOA                 | TTLS        | 45      | 45*     | 4       |      | Ths. Nhung<br>Ths. Sang | K. ĐD   |           | Thi LS   |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1   | CN.LUÂN                 | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Vật liệu PHR                | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2   | CN.LUÂN                 | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 3&4 |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | LT          | 15      | 5       | 5       |      | CN.LUÂN                 | K. KTYH | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | LT          | 15      | 10      | 5       |      | CN.LUÂN                 | K. KTYH | P. B3.3   |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | THI Vật liệu PHR            | TH          |         |         |         |      | CN.Luân, CN.Anh         | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | LT          | 15      | 15*     | 5       |      | CN.LUÂN                 | K. KTYH | P. B2.3   |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 4       | 4       | N1   | CN.LUÂN                 | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 4       | 4       | N2   | CN.LUÂN                 | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng     | LT          | 15      | 5       | 5       |      | Ths. Đức                | K. KTYH | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng     | LT          | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Đức                | K. KTYH | P. B2.1   |          |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Đức     | K. KTYH | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng | TH         | 30      | 4       |         | N2   | Ths. Đức     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng | TH         | 30      | 4       |         | N1   | Ths. Đức     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng | LT         | 15      | 5       | 5       |      | Ths.Đức      | KTYH    | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths.Đức      | KTYH    | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20B      | Vi sinh - Ký sinh trùng | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths.Đức      | KTYH    | P. B2.1   |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths.Đức      | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths. Quỳnh   | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | Ths.Đức      | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu               | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu               | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý                 | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Nga   | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu               | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths Bs Hương | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu               | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN Mai Lan   | Khoa Y  | P. TH     |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20D      | Sinh lý                   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga     | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 28      | 4       | N1   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N1   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 4       | 4       | N2   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý                   | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | P. B3.4   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý                   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths Bs Nga     | Khoa Y  | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths Bs Hương   | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN Mai Lan     | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                 | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths Bs Hạnh    | Khoa Y  | PTH       |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Sinh lý                   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Bs Nga     | Khoa Y  | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thảo Vy   | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 24      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Tiếng Anh 1               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Nhã Trúc  | K. KHCB | P. B2.6   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Tin học                   | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D     | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận | K. KHCB | P. B2.4   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                          | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ths. Đồng                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ths. Đồng                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15D              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Phú Nhuận                      | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ths. Đồng                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ths. Đồng                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N1   | Ths. Khoa                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Phú Nhuận                      | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 24      | 4       | N2   | Ths. Khoa                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15C              | Hoá học đại cương - Vô cơ | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Phú Nhuận                      | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N1   | Ths. Khoa                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học                   | TH         | 60      | 28      | 4       | N2   | Ths. Khoa                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 3       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 3   | 02/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 3       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 4   | 03/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 6       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Thi TH Giải phẫu          |            |         |         |         |      | Ths Bs Hương<br>Ths Bs Khánh<br>Nga | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 5   | 04/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 6       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 10      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 10      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CĐ.XN.17   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                   | TH         | 60      | 3       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                           | K. KHCB | P. TH Tin |         |



| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHP           | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------------------------------------------|---------|-----------|---------|
| 25CD.XN.17 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 3       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 6       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Thi TH Giải phẫu   |            |         |         |         |      | Ths Bs Hương<br>Ths Bs Khánh<br>Nga               | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 6       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 10      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 10      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | LT         | 15      | 10      | 5       |      | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. B2.3   |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 3       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | LT         | 15      | 15*     | 5       |      | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 3       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 6       | 3       | N1   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Thi TH Giải phẫu   |            |         |         |         |      | Ths Bs Hương<br>Ths Bs Khánh<br>Nga               | Khoa Y  | P. TH     |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 6       | 3       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 10      | 4       | N2   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 10      | 4       | N1   | Ths. Hiếu                                         | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.PHR.8 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CD.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CD.PHR.8 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 25CD.PHCN.8               | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thư                                          | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CD.PHR.8 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều | 25CD.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | LT         | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CD.PHR.8 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CD.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CD.PHR.8 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều | 25CD.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Vân Anh<br>(01 Tiết)<br>Ths.Hiền (03<br>Tiết) | K. KHCB | P. B2.4   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN                                        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|-------------|---------|---------|---------|------|---------------------------------------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.PHR.8  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Hiền                                          | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Hiền                                          | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Tiếng Anh 1        | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thur                                         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | LT          | 45      | 40      | 5       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ths. Thur                                         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | LT          | 45      | 45*     | 5       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ths.Vân Anh                                       | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths.Vân Anh<br>(01 Tiết)<br>Ths.Hiền (03<br>Tiết) | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ths.Hiền                                          | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths.Hiền                                          | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ths. Thur                                         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 24TC.YS.33  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 5       | 5       |      | ThS BS Khánh Nga                                  | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 9       | 4       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 14      | 5       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 18      | 4       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 23      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga                                  | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 27      | 4       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 32      | 5       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 36      | 4       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 41      | 5       |      |                                                   | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS        | 180     | 45      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga                                  | Khoa Y  |           | BV 22-12 |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM               | GIẢNG VIÊN   | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|--------------------|--------------|--------|-----------|---------|
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 24      | 4       |                    | BS Phúc      | Khoa Y | P. B2.6   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược           | LT         | 30      | 5       | 5       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. B3.1   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 28      | 4       |                    | BS Phúc      | Khoa Y | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược           | LT         | 30      | 10      | 5       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. B3.3   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 32      | 4       |                    | BS Phúc      | Khoa Y | P. TH     |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược           | LT         | 30      | 15      | 5       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. B2.2   |         |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược           | LT         | 30      | 20      | 5       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược           | TH         | 30      | 4       | 4       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược           | LT         | 30      | 25      | 5       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược           | TH         | 30      | 8       | 4       |                    | Ths Huyền    | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 36      | 4       |                    | BS Phúc      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 24TC.YHCT.13 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II | TH         | 60      | 40      | 4       |                    | BS Phúc      | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT  |
| 25TC.YS.34   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | LT         | 30      | 30*     | 5       |                    | Cn.Thanh     | K. ĐD  | P. B2.5   |         |
| 25TC.YS.34   | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Điều dưỡng cơ sở            | TH         | 30      | 4       | 4       |                    | Ths.Trang    | K. ĐD  | P. TH     |         |
| 25TC.YS.34   | 14   | 3   | 02/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | TH         | 30      | 8       | 4       |                    | Ths.Trang    | K. ĐD  | P. TH     |         |
| 25TC.YS.34   | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | TH         | 30      | 12      | 4       |                    | Cn.Thanh     | K. ĐD  | P. TH     |         |
| 25TC.YS.34   | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | TH         | 30      | 16      | 4       |                    | Cn.Thanh     | K. ĐD  | P. TH     |         |
| 25TC.YS.34   | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở            | TH         | 30      | 20      | 4       |                    | Ths.Trang    | K. ĐD  | P. TH     |         |
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 2   | 01/12/2025 | Chiều |                  | Kỹ năng giao tiếp           | LT         | 30      | 30*     | 5       | Ths. Bs. Khánh nga |              | Khoa Y | P. B3.3   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 3   | 02/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I   | LT         | 60      | 10      | 5       |                    | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y | P. B3.1   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 4   | 03/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I   | LT         | 60      | 15      | 5       |                    | Ths Bs Hương | Khoa Y | P. B2.6   |         |
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 5   | 04/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I   | LT         | 60      | 20      | 5       |                    | Ths Bs Hạnh  | Khoa Y | P. B2.6   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|---------------------------|--------|-----------|----------|
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 6   | 05/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT          | 60      | 25      | 5       |       | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 14   | 7   | 06/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT          | 60      | 30      | 5       |       | Ths Hương                 | Khoa Y | P. B2.2   |          |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 50      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 54      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 59      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 63      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 68      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 72      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 77      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 81      | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 86      | 5       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSK TRẺ EM            | TTLS        | 90      | 90*     | 4       | N1&N2 | Ths.Dương Ths.T. T. Huyền | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 50      | 5       |       |                           | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 54      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 59      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 63      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 68      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 72      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 77      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 81      | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 86      | 5       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18B  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS        | 90      | 90*     | 4       |       | CK1. ĐDPS Minh Lộc        | Khoa Y |           | BV ĐK KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 5       | 5       |      | Dsck1. Quảng | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 9       | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 14      | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 18      | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 23      | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 27      | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 32      | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 36      | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 41      | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 45      | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 15*     | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 5       | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 10      | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | LT          | 15      | 15*     | 5       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 4       | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 8       | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 12      | 4       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.3   |                |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC             | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------|-------------|---------|---------|---------|------|-------------------|---------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 32      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 24      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 24      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 28      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 28      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 32      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 32      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 50      | 5       |      | Cn Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 54      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 59      | 5       |      | Cn Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 63      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 68      | 5       |      | Cn Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 72      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 77      | 5       |      | Cn Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 81      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 86      | 5       |      | Cn Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 90      | 4       |      | Bs Hiếu           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                                | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|----------|
| 23CD.XN.15 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 3                        | TH          | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Phước          | K. KTYH | P. TH     |          |
| 23CD.XN.15 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                              | TH          | 60      | 52      | 4       |      | Ths Quỳnh          | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 23CD.XN.15 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                              | TH          | 60      | 56      | 4       |      | Ths Quỳnh          | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 23CD.XN.15 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh 3                              | TH          | 60      | 60*     | 4       |      | Ths Quỳnh          | K. KTYH | 27 PCT    |          |
| 23CD.XN.15 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3                        | TH          | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Phước          | K. KTYH | P. TH     |          |
| 23CD.HS.11 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 5       | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 9       | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 14      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 18      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 23      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 27      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 32      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 36      | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 41      | 5       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.HS.11 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | BL liên quan đến Thai nghén và Sinh đẻ | TTLS        | 45      | 45*     | 4       |      |                    | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 23CD.PHR.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                      | TTLS        | 135     | 83      | 5       | N1   | Ths.Trúc           | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | KT PH Khung liên kết                   | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2   | CN.HỢP (mời)       | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                      | TTLS        | 135     | 82      | 4       | N2   | Ths.Linh           | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 23CD.PHR.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | KT PH Khung liên kết                   | TH          | 60      | 60*     | 4       | N1   | CN.HỢP (mời)       | K. KTYH | 27PCT     |          |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ         |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|-----------|-----------------|
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 88      | 5       | N1   | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 87      | 5       | N2   | Ths.Linh             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 90*     | 2       | N1   | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 90*     | 3       | N2   | Ths.Linh             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 95      | 5       | N1   | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 95      | 5       | N2   | Ths.Linh             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH KT PH Khung liên kết |            |         |         |         |      | CN.Luân,<br>Ths.Trúc | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 100     | 5       |      | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 105     | 5       |      | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHR.6  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG           | TTLS       | 135     | 110     | 5       |      | Ths.Trúc             | K. KTYH | 27PCT     |                 |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 50      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 54      | 4       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 59      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 63      | 4       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 68      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 72      | 4       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 77      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 81      | 4       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 86      | 5       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 23CĐ.PHCN.6 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS       | 180     | 90      | 4       |      | ThS. Vân             | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN |
| 24CĐ.ĐD.19A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế       | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Tuyền           | K. ĐD   | P. B2.3   |                 |
| 24CĐ.ĐD.19A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế       | LT         | 30      | 25      | 5       |      | TS. Thuyền           | K. ĐD   | P. B2.5   |                 |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN    | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|---------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.ĐD.19B  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Pháp luật             | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.2   |         |
| 24CĐ.ĐD.19B  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Giáo dục chính trị    | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Vân Anh   | K. KHCB | P. B2.5   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 20      | 5       |      | ThS. Tuyền    | K. ĐD   | P. B2.3   |         |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế | LT         | 30      | 25      | 5       |      | TS. Thuyền    | K. ĐD   | P. B2.5   |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ds. Vy        | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |
| 24CĐ. DU.14B | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu             | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung | K. Dược | P. TH     |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                  | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|------|-----------------------|---------|-----------|----------|
| 24CĐ.DU.14B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ.DU.14B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ.DU.14B | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                | TH         | 60      | 60      | 4       | N1   | Ds. Đoàn Dung         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ.DU.14B | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                | TH         | 60      | 60      | 4       | N2   | Ds. Đoàn Dung         | K. Dược | P. TH     |          |
| 24CĐ.DU.14C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 48      | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu           | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.DU.14C | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 52      | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu           | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.DU.14C | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 56      | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu           | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.DU.14C | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | Ths.Mỹ Hiếu           | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.DU.14D | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 48      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN       | K. Dược | P. B2.5   |          |
| 24CĐ.DU.14D | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 52      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN       | K. Dược | P. B3.1   |          |
| 24CĐ.DU.14D | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 56      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN       | K. Dược | P. B2.5   |          |
| 24CĐ.DU.14D | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Dược lý                  | TH         | 60      | 60      | 4       |      | DS CK1. MAI LAN       | K. Dược | P. B2.2   |          |
| 24CĐ.HA.16  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang        | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Bs Hiếu               | K. KTYH | P. TH     |          |
| 24CĐ.HA.16  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang        | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Bs Hiếu               | K. KTYH | P. TH     |          |
| 24CĐ.HA.16  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu X Quang        | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Bs Hiếu               | K. KTYH | P. TH     |          |
| 24CĐ.XN.16  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Hoá sinh 1               | TH         | 30      | 28      | 4       |      | ThS. Trà              | K. KTYH | P. TH     |          |
| 24CĐ.XN.16  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Hoá sinh 1               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | ThS. Trà              | K. KTYH | P. TH     | Tiết 1&2 |
| 24CĐ.XN.16  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Hoá sinh 1</b> |            |         |         |         |      | Ths Trà<br>ThS. Quỳnh | K. KTYH | P. TH     | Tiết 3&4 |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NGOẠI KHOA            | TTLS       | 45      | 5       | 5       |      | ThS. Mỹ               | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NGOẠI KHOA            | TTLS       | 45      | 9       | 4       |      | ThS. Mỹ               | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NGOẠI KHOA            | TTLS       | 45      | 14      | 5       |      | ThS. Mỹ               | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NGOẠI KHOA            | TTLS       | 45      | 18      | 4       |      | ThS. Mỹ               | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN             | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------------|---------|-----------|----------|
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 23      | 5       |      | TS. Thuyền             | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 27      | 4       |      | TS. Thuyền             | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 32      | 5       |      | TS. Thuyền             | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 36      | 4       |      | TS. Thuyền             | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 41      | 5       |      | TS. Thuyền             | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 24CĐ.HS.12  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | ĐD NGOẠI KHOA               | TTLS       | 45      | 45*     | 4       |      | TS. Thuyền+<br>ThS. Mỹ | K. ĐD   |           | Thi LS   |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 24CĐ.PHR.7  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | CN.LUÂN                | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                    | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | ThS. Trà               | K. KTYH | P. TH     | 27PCT    |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng     | TH         | 30      | 8       | 4       | N2   | Ths. Đức               | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                    | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | ThS. Trà               | K. KTYH | P. TH     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng     | TH         | 30      | 8       | 4       | N1   | Ths. Đức               | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                    | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | ThS. Trà               | K. KTYH | P. TH     |          |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng     | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. Đức               | K. KTYH | 27PCT     |          |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ    |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|---------------------------|---------|-----------|------------|
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | ThS. Trà                  | K. KTYH | P. TH     |            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 12      | 4       | N1    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | ThS. Trà                  | K. KTYH | P. TH     |            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 16      | 4       | N2    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | ThS. Trà                  | K. KTYH | P. TH     |            |
| 25CĐ.ĐD.20A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 16      | 4       | N1    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 20      | 4       | N1    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 8       | 4       | N2    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 20      | 4       | N2    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 8       | 4       | N1    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 12      | 4       | N2    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng    | TH         | 30      | 12      | 4       | N1    | Ths. Đức                  | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20B | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                   | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths. Quỳnh                | K. KTYH | 27PCT     |            |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20D      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths.T.T.Huyền             | K. ĐD   | P. B3.4   |            |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y  | P. TH     | Tiết 1&2   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths Bs Hạnh               | Khoa Y  | P. TH     | Tiết 3&4   |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20D      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths. Dương                | K. ĐD   | P. B2.5   |            |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20D      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths. Nhung                | K. ĐD   | P. B2.1   |            |
| 25CĐ.ĐD.20C | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu           |            |         |         |         | N1&N2 | Ths Bs Hương<br>ThS. Hạnh | Khoa Y  | P. TH     | (Tiết 1&2) |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                  | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ    |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------------|---------|-----------|------------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 4       | 4       | N1    | Ths.T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 4       | 4       | N2    | Ths. Nhung                  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N1    | Ths.T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N2    | Ths. Nhung                  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 5       | 5       |       | Ths.T.T.Huyền               | K. ĐD   | P. B3.4   |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.ĐD.20C      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 10      | 5       |       | Ths. Dương                  | K. ĐD   | P. B2.5   |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 20      | 4       | N2    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 20      | 4       | N1    | Ths Bs Hương                | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 24      | 4       | N1    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 24      | 4       | N2    | Ths Bs Hương                | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều | 25CĐ.ĐD.20C      | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | LT         | 15      | 15*     | 5       |       | Ths. Nhung                  | K. ĐD   | P. B2.1   |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths Bs Hương                | Khoa Y  | PTH       |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | PTH       | (Tiết 1&2) |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Giải phẫu                  | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths Bs Hạnh                 | Khoa Y  | PTH       | (Tiết 3&4) |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Giải phẫu           |            |         |         |         | N1+N2 | Ths Bs Hạnh<br>Ths Bs Hương | Khoa Y  | PTH       | (Tiết 3&4) |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 4       | 4       | N1    | Ths. Dương                  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 4       | 4       | N2    | Ths. Chi                    | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N1    | Ths. Dương                  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 8       | 4       | N2    | Ths. Chi                    | K. ĐD   | P. TH ĐD  |            |
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Sinh học và Di truyền      | LT         | 30      | 5       | 5       |       | Ths. Thanh Hải              | K. KHCB | P. B2.4   |            |
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Sinh học và Di truyền      | LT         | 30      | 10      | 5       |       | Ths. Thanh Hải              | K. KHCB | P. B2.4   |            |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B              | Y đức                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B              | Y đức                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B              | Y đức                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 5       | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 10      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 15      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Y đức                 | LT         | 30      | 5       | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Y đức                 | LT         | 30      | 10      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Y đức                 | LT         | 30      | 15      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 32      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 32      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 36      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 15   | 2   | 08/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học               | TH         | 60      | 13      | 3       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 15   | 3   | 09/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học               | TH         | 60      | 13      | 3       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHP           | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|---------|
| 25CD.HA.17 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Tối   | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HA.17 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Tối   | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HA.17 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Tối   | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 19      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HA.17 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HA.17 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều | 25CD.XN.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 23      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 13      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 13      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 19      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.XN.17 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.HS.13 | Tin học            | TH         | 60      | 23      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 13      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 13      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 16      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Tối   | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 19      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 20      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.HS.13 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều | 25CD.HA.17,<br>23CD.XN.17 | Tin học            | TH         | 60      | 23      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CD.PHR.8 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CD.PHCN.8               | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thu   | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CD.PHR.8 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều | 25CD.PHCN.8               | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Hiền  | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CD.PHR.8 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CD.PHCN.8               | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thu   | K. KHCB | P. B2.1   |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC            | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|--------------------|------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.PHR.8  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8      | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8      | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8       | Tiếng Anh 1        | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8       | Giáo dục chính trị | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Hiền         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 24TC.YS.33  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 50      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 54      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 59      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 63      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 68      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 72      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 77      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 81      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LS NHI    | TTLS       | 180     | 86      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ                             |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|--------|-----------|-------------------------------------|
| 24TC.YS.33   | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI                 | TTLS       | 180     | 90      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga   | Khoa Y |           | BV 22-12                            |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược               | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B3.1   |                                     |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 12      | 4       |      | Ths. Huyền         | Khoa Y | P. B2.6   |                                     |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 16      | 4       |      | ThS. Bs. Huyền     | Khoa Y | P. TH     |                                     |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Huyền         | Khoa Y | P. TH     |                                     |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 24      | 2       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 44      | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 28      | 2       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 48      | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | Bào chế Đông dược               | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT (T1&2)                       |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Bào chế Đông dược</b> |            |         |         |         |      | Ths Huyền BS. Phúc | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT (T3 &4)                      |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 52      | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 56      | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 60      | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | P. 2.13   | 27 PCT                              |
| 24TC.YHCT.13 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Tối   |                  | Bệnh học Y học cổ truyền II     | TH         | 60      | 60*     | 4       |      | BS Phúc            | Khoa Y | 2.13      | 27 PCT<br>Thi thực hành (Ths Huyền) |
| 25TC.YS.34   | 15   | 2   | 08/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở                | TH         | 30      | 24      | 4       |      | Cn.Thanh           | K. ĐD  | P. TH     |                                     |
| 25TC.YS.34   | 15   | 3   | 09/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở                | TH         | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Trang          | K. ĐD  | P. TH     |                                     |
| 25TC.YS.34   | 15   | 4   | 10/12/2025 | Sáng  |                  | Điều dưỡng cơ sở                | TH         | 30      | 30*     | 2       |      | Cn.Thanh           | K. ĐD  | P. TH     |                                     |
| 25TC.YS.34   | 15   | 5   | 11/12/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Điều dưỡng cơ sở</b>  |            |         |         |         |      | Cn.Thanh Ths.Trang | K. ĐD  | P. TH     |                                     |
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 2   | 08/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I       | LT         | 60      | 35      | 5       |      | Ths Hương          | Khoa Y | P. B2.3   |                                     |
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 3   | 09/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I       | LT         | 60      | 40      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B2.6   |                                     |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                   | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ      |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|------------|---------|---------|---------|------|--------------------|--------|-----------|--------------|
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 4   | 10/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT         | 60      | 45      | 5       |      | Ths Bs Hạnh        | Khoa Y | P. B2.6   |              |
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 5   | 11/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT         | 60      | 50      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B2.6   |              |
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 6   | 12/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT         | 60      | 55      | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B2.2   |              |
| 25TC.YHCT.14 | 15   | 7   | 13/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại I | LT         | 60      | 60*     | 5       |      | Ths Huyền          | Khoa Y | P. B2.2   |              |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 5       | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 9       | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 14      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 18      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 23      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 27      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 32      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 36      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 41      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD           | TTLS       | 90      | 45      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC              | TTLS       | 45      | 5       | 5       | N1.1 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC              | TTLS       | 45      | 5       | 5       | N1.2 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC              | TTLS       | 45      | 4       | 4       | N2.1 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC              | TTLS       | 45      | 4       | 4       | N2.2 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 10      | 5       | N1.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 10      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 8       | 4       | N2.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 8       | 4       | N2.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 15      | 5       | N1.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 15      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 12      | 4       | N2.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 12      | 4       | N2.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 20      | 5       | N1.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 20      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 16      | 4       | N2.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 16      | 4       | N2.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N1.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N1.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 20      | 4       | N2.1 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 20      | 4       | N2.2 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | DUỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 50      | 5       |      | Dsck1. Quảng | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 54      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 59      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 63      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 68      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 72      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 77      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 81      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 86      | 5       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 90      | 4       |      |            | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 16      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 20      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 24      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 28      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 16      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 20      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 24      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.3   |                |
| 23CĐ.DU.13C | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 28      | 4       |      | DS. Dũng   | Khoa Dược | P. B2.3   |                |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC             | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN        | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------|-------------|---------|---------|---------|------|-------------------|---------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 7   | 20/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 16   | 7   | 20/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 36      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 40      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 40      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 44      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | Ds Trinh (GV mời) | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 7   | 20/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 48      | 4       | N1   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 16   | 7   | 20/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm         | TH          | 60      | 48      | 4       | N2   | Ds.Công (GV mời)  | K. Dược | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.HA.15  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 | TTLS        | 180     | 95      | 5       |      | CN Hùng           | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|-----------|----------------|
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 99      | 4       |      | Bs Hiếu              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 104     | 5       |      | CN Hùng              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 108     | 4       |      | Bs Hiếu              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 113     | 5       |      | CN Hùng              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 117     | 4       |      | Bs Hiếu              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 122     | 5       |      | CN Hùng              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 126     | 4       |      | Bs Hiếu              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 131     | 5       |      | CN Hùng              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 135     | 4       |      | Bs Hiếu              | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.XN.15 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Vi sinh 3                   |             |         |         |         |      | Ths Quỳnh-Trà        | K. KTYH | 27 PCT    |                |
| 23CĐ.XN.15 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | Ký sinh trùng 3                    | TH          | 30      | 28      | 4       |      | Ths.Phước            | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CĐ.XN.15 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Ký sinh trùng 3                    | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ths.Phước            | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CĐ.XN.15 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | Thi Ký sinh trùng 3                |             |         |         |         |      | Ths.Phước<br>Ths.Đức | K. KTYH | P. TH     |                |
| 23CĐ.HS.11 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 5       | 5       |      |                      | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 9       | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 14      | 5       |      |                      | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 18      | 4       |      |                      | Khoa Y  |           | BV 22-12       |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 23      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 27      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 32      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 36      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 41      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.HS.11  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 45      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.PHR.6  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                  | TTLS        | 135     | 115     | 5       |      | Ths.Trúc   | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                  | TTLS        | 135     | 120     | 5       |      | Ths.Trúc   | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                  | TTLS        | 135     | 125     | 5       |      | Ths.Trúc   | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                  | TTLS        | 135     | 130     | 5       |      | Ths.Trúc   | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHR.6  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | PHỐI HỢP LÂM SÀNG                  | TTLS        | 135     | 135*    | 5       |      | Ths.Trúc   | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 95      | 5       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 99      | 4       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 104     | 5       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 108     | 4       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 113     | 5       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 117     | 4       |      | ThS. Vân   | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                     | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|--------------------------------|---------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.PHCN.6  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS        | 180     | 122     | 5       |       | ThS. Vân                       | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS        | 180     | 126     | 4       |       | ThS. Vân                       | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS        | 180     | 131     | 5       |       | ThS. Vân                       | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2         | TTLS        | 180     | 135     | 4       |       | ThS. Vân                       | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19C      | Dinh dưỡng - Tiết chế       | LT          | 30      | 30*     | 5       |       | TS. Thuyền                     | K. ĐD   | P. B2.4   |                    |
| 24CĐ.ĐD.19A  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Pháp luật                   | LT          | 30      | 30*     | 5       |       | Ths.Vân Anh                    | K. KHCB | P. B2.2   |                    |
| 24CĐ.ĐD.19C  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều | 24CĐ.ĐD.19A      | Dinh dưỡng - Tiết chế       | LT          | 30      | 30*     | 5       |       | TS. Thuyền                     | K. ĐD   | P. B2.4   |                    |
| 24CĐ. DU.14A | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | Dược liệu                   | TH          | 60      | 60      | 4       | N1    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |                    |
| 24CĐ. DU.14A | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Dược liệu                   | TH          | 60      | 60      | 4       | N2    | Ds. Vy                         | K. Dược | P. TH     |                    |
| 24CĐ. DU.14A | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Dược liệu            |             |         |         |         | N1&N2 | Ds Dung<br>Ds Vy               | K. Dược | P. B2.5   |                    |
| 24CĐ. DU.14B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược liệu            |             |         |         |         | N1&N2 | Ds Dung<br>Ds Vy               | K. Dược | P. B2.3   |                    |
| 24CĐ. DU.14C | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược lý              |             |         |         |         |       | ThS. Mỹ Hiếu<br>Dsck1.Mai Lan  | K. Dược | P. B2.3   |                    |
| 24CĐ. DU.14D | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Dược lý              |             |         |         |         |       | ThS. Hiếu - DS<br>CK1. MAI LAN | K. Dược | P. B2.5   |                    |
| 24CĐ.PHR.7   | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 28      | 4       | N1    | CN.LUÂN                        | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 24CĐ.PHR.7   | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 28      | 4       | N2    | CN.LUÂN                        | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 24CĐ.PHR.7   | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1    | CN.LUÂN                        | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 24CĐ.PHR.7   | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | KSNK trong chuyên ngành RHM | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2    | CN.LUÂN                        | K. KTYH | 27PCT     |                    |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN            | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|-----------------------|---------|-----------|---------|
| 24CĐ.PHR.7  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | THI KSNK trong chuyên ngành RHM |             |         |         |         |       | CN.LUÂN<br>CN.ANH     | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths Quỳnh             | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 20      | 4       | N2    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths Quỳnh             | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 20      | 4       | N1    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20A | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Hóa sinh                 |             |         |         |         | N1&N2 | Ths Quỳnh<br>ThS. Trà | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | Hóa sinh                        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths Quỳnh             | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 16      | 4       | N2    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Hóa sinh                        | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths Quỳnh             | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 16      | 4       | N1    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Hóa sinh                 |             |         |         |         | N1&N2 | Ths Quỳnh-Trà         | K. KTYH | 27 PCT    |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 20      | 4       | N2    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 20      | 4       | N1    | Ths. Đức              | K. KTYH | 27PCT     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 24      | 4       | N1    | Ths. Đức              | K. KTYH | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng         | TH          | 30      | 24      | 4       | N2    | Ths. Đức              | K. KTYH | P. TH     |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng      | TH          | 30      | 12      | 4       | N1    | Ths.T.T.Huyền         | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng      | TH          | 30      | 12      | 4       | N2    | Ths. Nhung            | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths.T.T.Huyền  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths. Nhung     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths.T.T.Huyền  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths. Nhung     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths.T.T.Huyền  | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Nhung     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 12      | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 12      | 4       | N2   | Ths. Trang     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 16      | 4       | N2   | Ths. Trang     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 20      | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 20      | 4       | N2   | Ths. Trang     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths. Dương     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng | TH         | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Trang     | K. ĐD   | P. TH ĐD  |         |
| 25CĐ. DU.15A | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Sinh học và Di truyền      | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Sinh học và Di truyền      | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15A | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Sinh học và Di truyền      | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC               | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN     | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15B              | Y đức                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 20      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 25      | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Sinh học và Di truyền | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | Ths. Thanh Hải | K. KHCB | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều | 25CĐ. DU.15A              | Y đức                 | LT         | 30      | 20      | 5       |      | CN Mai Lan     | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                           | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Đồng      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 40      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 44      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học               | TH         | 60      | 48      | 4       | N1   | Ths. Khoa      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 16   | 2   | 15/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học               | TH         | 60      | 26      | 3       | N1   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 16   | 3   | 16/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học               | TH         | 60      | 23      | 3       | N2   | Ths. Hiếu      | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------|------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.HA.17 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 29      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 26      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 32      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 16   | 7   | 20/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 30      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 16   | 7   | 20/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 26      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 23      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 29      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 26      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 32      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 7   | 20/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 30      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 16   | 7   | 20/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 26      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 23      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 29      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 26      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 32      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP       | MÔN HỌC         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------------|-----------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.HS.13  | 16   | 7   | 20/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13 | Tin học         | TH          | 60      | 30      | 4       | N2   | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HS.13  | 16   | 7   | 20/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17, 23CĐ.HS.13 | Tin học         | TH          | 60      | 36      | 4       | N1   | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8            | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8            | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHR.8  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHCN.8            | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8             | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 16      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.4   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8             | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 20      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 25CĐ.PHCN.8 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.PHR.8             | Tiếng Anh 1     | TH          | 30      | 24      | 4       |      | Ths. Thu         | K. KHCB | P. B2.1   |          |
| 24TC.YS.33  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 95      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 99      | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 104     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 108     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 113     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 117     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 122     | 5       |      |                  | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 126     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |
| 24TC.YS.33  | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                        | THỰC TẬP LS NHI | TTLS        | 180     | 134     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12 |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------------|--------|-----------|--------------------|
| 24TC.YS.33   | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 135     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y |           | BV 22-12           |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 5       | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 9       | 4       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 14      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 18      | 4       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 23      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 27      | 4       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 32      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 36      | 4       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 41      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 45      | 4       |      | BS Phúc          | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 16   | 2   | 15/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 5       | 5       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 9       | 4       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 16   | 3   | 16/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 14      | 5       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 18      | 4       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 16   | 4   | 17/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 23      | 5       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 27      | 4       |      | Ths.Chi          | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                    | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|----------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|----------------------|--------|-----------|----------|
| 25TC.YS.34   | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS        | 90      | 32      | 5       |      | Ths.Chi              | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 25TC.YS.34   | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS        | 90      | 36      | 4       |      | Ths.Chi              | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 25TC.YS.34   | 16   | 6   | 19/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS        | 90      | 41      | 5       |      | Ths.Chi              | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 25TC.YS.34   | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS        | 90      | 45      | 4       |      | Ths.Chi              | K. ĐD  |           | BV ĐK KH |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 2   | 15/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 5       | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tấn | Khoa Y | P. B2.2   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 3   | 16/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 10      | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tấn | Khoa Y | P. B2.6   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 4   | 17/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 15      | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tấn | Khoa Y | P. B2.2   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Sáng  |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 20      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga     | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 5   | 18/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 25      | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tấn | Khoa Y | P. B2.2   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Chiều |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 30      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y | P. B2.2   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 16   | 6   | 19/12/2025 | Tối   |                  | Bệnh học Y học hiện đại II | LT          | 60      | 34      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y | P. B2.6   |          |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |
| 23CĐ.DD.18A  | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD            | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y |           | BV ĐK KH |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC         | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ      |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|--------|-----------|--------------|
| 23CĐ.DD.18A | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | LS CSSKPNBM &GD | TTLS        | 90      | 86      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18A | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | LS CSSKPNBM &GD | TTLS        | 90      | 90*     | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y |           | BV ĐK KH     |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 25      | 5       | N2.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 29      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 29      | 4       | N1.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 30      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 30      | 5       | N2.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 33      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 33      | 4       | N1.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 35      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 35      | 5       | N2.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 37      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 37      | 4       | N1.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 40      | 5       | N2.1 | Ths.Nhung          | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC    | TTLS        | 45      | 40      | 5       | N2.2 | Ths.Sang           | K. ĐD  |           | BV Quân Y 87 |



| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC       | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN   | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 41      | 4       | N1.1 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 41      | 4       | N1.2 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 5       | N2.1 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 5       | N2.2 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 4       | N1.1 | Ths.Nhung    | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DD.18B | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | CS NBCC&CSTC  | TTLS        | 45      | 45*     | 4       | N1.2 | Ths.Sang     | K. ĐD     |           | BV Quân Y 87   |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 95      | 5       |      | Dsck1. Quảng | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 99      | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 104     | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 108     | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 113     | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 117     | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 122     | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 126     | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 131     | 5       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13A | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | DƯỢC LÂM SÀNG | TTLS        | 135     | 135*    | 4       |      |              | Khoa Dược |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.DU.13B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13C      | Kinh tế dược  | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ds. Dũng     | Khoa Dược | P. B2.1   |                |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                   | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                       | KHOA      | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|---------------------------|-------------|---------|---------|---------|-------|----------------------------------|-----------|-----------|----------------|
| 23CĐ.DU.13C | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 23CĐ.DU.13B      | Kính tế được              | TH          | 30      | 30*     | 2       |       | Ds. Dũng                         | Khoa Dược | P. B2.1   |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 52      | 4       | N1    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 52      | 4       | N2    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 56      | 4       | N1    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 56      | 4       | N2    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 60*     | 4       | N1    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2    | Ds Trinh (GV mời)                | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13D | 17   | 7   | 27/12/2025 | Sáng  |                  | <b>Thi TH Kiểm nghiệm</b> |             |         |         |         | N1&N2 | Ds Trinh (GV mời)<br>Dsc1. Quảng | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 52      | 4       | N1    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 52      | 4       | N2    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 56      | 4       | N1    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 56      | 4       | N2    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 60*     | 4       | N1    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | Kiểm nghiệm               | TH          | 60      | 60*     | 4       | N2    | Ds.Công (GV mời)                 | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.DU.13E | 17   | 7   | 27/12/2025 | Chiều |                  | <b>Thi TH Kiểm nghiệm</b> |             |         |         |         | N1&N2 | Ds.Công (GV mời)<br>Dsc1. Quảng  | K. Dược   | PTH B1.3  |                |
| 23CĐ.HA.15  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2       | TTLS        | 180     | 140     | 5       |       | CN Hùng                          | K. KTYH   |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2       | TTLS        | 180     | 144     | 4       |       | Bs Hiếu                          | K. KTYH   |           | BV Ung Bướu KH |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ        |
|------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|----------------|
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 149     | 5       |      | CN Hùng    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 153     | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 158     | 5       |      | CN Hùng    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 162     | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 167     | 5       |      | CN Hùng    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 171     | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 176     | 5       |      | CN Hùng    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HA.15 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 180*    | 4       |      | Bs Hiếu    | K. KTYH |           | BV Ung Bướu KH |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |
| 23CĐ.HS.11 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 86      | 5       |      |            | Khoa Y  |           | BV 22-12       |

| LỚP         | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                            | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN         | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|-------------|------|-----|------------|-------|------------------|------------------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|--------------------|---------|-----------|--------------------|
| 23CĐ.HS.11  | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | LSCS trong phẫu thuật sản phụ khoa | TTLS        | 90      | 90*     | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 140     | 5       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 144     | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 149     | 5       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 153     | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 158     | 5       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 162     | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 167     | 5       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 171     | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 176     | 5       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 23CĐ.PHCN.6 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | THỰC TẬP LÂM SÀNG 2                | TTLS        | 180     | 180*    | 4       |      | ThS. Vân           | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 24      | 4       | N1   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 24      | 4       | N2   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 28      | 4       | N1   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 28      | 4       | N2   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     |                    |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 30*     | 2       | N1   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 1&2           |
| 25CĐ.ĐD.20A | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng            | TH          | 30      | 30*     | 2       | N2   | Ths. Đức           | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 3&4           |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP | MÔN HỌC                           | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM  | GIẢNG VIÊN                 | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-----------------------------------|------------|---------|---------|---------|-------|----------------------------|---------|-----------|----------|
| 25CĐ.ĐD.20A  | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Vi sinh - Ký sinh trùng    |            |         |         |         | N1&N2 | Ths. Đức; Ths. Trà         | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng           | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths. Đức                   | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng           | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths. Đức                   | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng           | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths. Đức                   | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | Vi sinh - Ký sinh trùng           | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths. Đức                   | K. KTYH | 27PCT     | Tiết 3&4 |
| 25CĐ.ĐD.20B  | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | Thi TH Vi sinh - Ký sinh trùng    |            |         |         |         | N1&N2 | Ths. Đức; Ths.Trà          | K. KTYH | 27PCT     |          |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | Ths.T.T.Huyền              | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | Ths.T.T.Huyền              | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | Ths. Nhung                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20C  | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Giao tiếp và TH Điều dưỡng |            |         |         |         | N1+N2 | Ths.Nhung<br>Ths.T.T.Huyền | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 28      | 4       | N1    | ThS. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 28      | 4       | N2    | ThS. Trang                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N1    | ThS. Dương                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | Giao tiếp và TH Điều dưỡng        | TH         | 30      | 30*     | 2       | N2    | ThS. Trang                 | K. ĐD   | P. TH ĐD  | Tiết 1&2 |
| 25CĐ.ĐD.20D  | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | Thi TH Giao tiếp và TH Điều dưỡng |            |         |         |         | N1+N2 | ThS. Dương<br>ThS. Trang   | K. ĐD   | P. TH ĐD  |          |
| 25CĐ. DU.15A | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B     | Y đức                             | LT         | 30      | 25      | 5       |       | CN Mai Lan                 | Khoa Y  | P. B2.4   |          |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------|------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ. DU.15A | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15B              | Y đức   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CN Mai Lan | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Y đức   | LT         | 30      | 25      | 5       |      | CN Mai Lan | Khoa Y  | P. B2.4   |         |
| 25CĐ. DU.15B | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  | 25CĐ. DU.15A              | Y đức   | LT         | 30      | 30*     | 5       |      | CN Mai Lan | Khoa Y  | P. B2.1   |         |
| 25CĐ. DU.15C | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Đồng  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | Ths. Đồng  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Đồng  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | Ths. Đồng  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15C | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Đồng  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                           | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N1   | Ths. Khoa  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                           | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Khoa  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                           | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N1   | Ths. Khoa  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ. DU.15D | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                           | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Khoa  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 39      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 17   | 3   | 23/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 33      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 42      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 17   | 5   | 25/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 36      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCb | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17   | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCb | P. TH Tin |         |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------|------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.HA.17 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 45      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 17   | 7   | 27/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HA.17 | 17   | 7   | 27/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 49      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 39      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 33      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 42      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Tối   | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 36      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 45      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 7   | 27/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 17   | 7   | 27/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 49      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 39      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 33      | 3       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 42      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 36      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 40      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Tối   | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 45      | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC                 | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN       | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|-------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------------|---------|-----------|--------------------|
| 25CĐ.HS.13   | 17   | 7   | 27/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học                 | TH          | 60      | 44      | 4       | N2   | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. TH Tin |                    |
| 25CĐ.HS.13   | 17   | 7   | 27/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học                 | TH          | 60      | 49      | 4       | N1   | Ths. Hiếu        | K. KHCB | P. TH Tin |                    |
| 25CĐ.PHR.8   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Tiếng Anh 1             | TH          | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |                    |
| 25CĐ.PHR.8   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHCN.8               | Tiếng Anh 1             | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |                    |
| 25CĐ.PHCN.8  | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Tiếng Anh 1             | TH          | 30      | 28      | 4       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |                    |
| 25CĐ.PHCN.8  | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều | 25CĐ.PHR.8                | Tiếng Anh 1             | TH          | 30      | 30*     | 2       |      | Ths. Thur        | K. KHCB | P. B2.1   |                    |
| 24TC.YS.33   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 140     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 144     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 149     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 153     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 158     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 162     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 167     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 171     | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 176     | 5       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YS.33   | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                           | THỰC TẬP LS NHI         | TTLS        | 180     | 180*    | 4       |      | ThS BS Khánh Nga | Khoa Y  |           | BV 22-12           |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                           | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      | BS Phúc          | Khoa Y  |           | BV YHCT và PHCN KH |



| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP | MÔN HỌC                 | LT/TH/ TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA   | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ            |
|--------------|------|-----|------------|-------|------------------|-------------------------|-------------|---------|---------|---------|------|------------|--------|-----------|--------------------|
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 86      | 5       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 24TC.YHCT.13 | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                  | TTLS Y HỌC CỔ TRUYỀN II | TTLS        | 90      | 90*     | 4       |      | BS Phúc    | Khoa Y |           | BV YHCT và PHCN KH |
| 25TC.YS.34   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 50      | 5       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 54      | 4       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 59      | 5       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 63      | 4       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 68      | 5       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 72      | 4       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 77      | 5       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |
| 25TC.YS.34   | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                  | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ     | TTLS        | 90      | 81      | 4       |      | Ths.Hương  | K. ĐD  |           | BV ĐK KH           |

| LỚP          | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHEP          | MÔN HỌC                    | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN           | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ  |
|--------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|----------------------------|------------|---------|---------|---------|------|----------------------|---------|-----------|----------|
| 25TC.YS.34   | 17   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                           | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS       | 90      | 86      | 5       |      | Ths.Hương<br>Ths.Chi | K. ĐD   |           | THI TTLS |
| 25TC.YS.34   | 17   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                           | TT ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ        | TTLS       | 90      | 90*     | 4       |      | Ths.Hương            | K. ĐD   |           | BV ĐK KH |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | Bệnh học Y học hiện đại   |                            | LT         | 60      | 39      | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tân | Khoa Y  | P. B2.2   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 3   | 23/12/2025 | Chiều |                           | Bệnh học Y học hiện đại II | LT         | 60      | 44      | 5       |      | ThS BS Đặng Ngọc Tân | Khoa Y  | P. B2.2   | GV mời   |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  |                           | Bệnh học Y học hiện đại II | LT         | 60      | 49      | 5       |      | ThS BS Khánh Nga     | Khoa Y  | P. B2.2   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Tối   |                           | Bệnh học Y học hiện đại II | LT         | 60      | 51      | 2       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y  | P. B2.6   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                           | Bệnh học Y học hiện đại II | LT         | 60      | 56      | 5       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y  | P. B2.2   |          |
| 25TC.YHCT.14 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Tối   |                           | Bệnh học Y học hiện đại II | LT         | 60      | 60*     | 4       |      | CK1. ĐDPS Minh Lộc   | Khoa Y  | P. B2.6   |          |
| 25CĐ. DU.15C | 18   | 6   | 26/12/2025 | Sáng  |                           | Tin học                    | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1   | Ths. Đồng            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ. DU.15D | 18   | 5   | 25/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                    | TH         | 60      | 60*     | 4       | N1   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ. DU.15D | 18   | 6   | 26/12/2025 | Chiều |                           | Tin học                    | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Khoa            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 53      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 57      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 3   | 23/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 60*     | 3       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 4   | 24/12/2025 | Chiều | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.HA.17   | 18   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học                    | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.XN.17   | 18   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học                    | TH         | 60      | 53      | 4       | N1   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |
| 25CĐ.XN.17   | 18   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học                    | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Hiếu            | K. KHCB | P. TH Tin |          |

| LỚP        | TUẦN | THỨ | NGÀY       | BUỔI  | TỰ CHỌN/LỚP GHÉP          | MÔN HỌC | LT/TH/TTLS | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN | KHOA    | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ |
|------------|------|-----|------------|-------|---------------------------|---------|------------|---------|---------|---------|------|------------|---------|-----------|---------|
| 25CĐ.XN.17 | 18   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 57      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 18   | 3   | 23/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 18   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 60*     | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 18   | 4   | 24/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.XN.17 | 18   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 18   | 2   | 22/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 53      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 18   | 2   | 22/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 48      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 18   | 3   | 23/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 57      | 4       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 18   | 3   | 23/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 52      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 60*     | 3       | N1   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 4   | 24/12/2025 | Chiều | 25CĐ.HA.17,<br>23CĐ.XN.17 | Tin học | TH         | 60      | 56      | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |
| 25CĐ.HS.13 | 17   | 5   | 25/12/2025 | Sáng  | 25CĐ.XN.17,<br>23CĐ.HS.13 | Tin học | TH         | 60      | 60*     | 4       | N2   | Ths. Hiếu  | K. KHCB | P. TH Tin |         |